

Số: /BC-BCĐ

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

**Tình hình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo,
chuyển đổi số và Đề án 06 quý I, nhiệm vụ trọng tâm quý II năm 2026**

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành: Bám sát chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh tiếp tục tập trung tham mưu, quán triệt, phổ biến các nội dung thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; kịp thời tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành các văn bản đề lãnh đạo, chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chỉ đạo của cấp trên.

1.1. Về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

- Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy: ban hành Kế hoạch số 13-KH/TU ngày 08/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2026 (*Bắc Ninh được Trung ương đánh giá là 09/34 địa phương xác định rõ các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện*); Chương trình số 20-CTr/TU ngày 25/3/2026 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030; Tham mưu Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy ban hành Chương trình công tác năm 2026 (số 21-CTr/BCĐ ngày 26/12/2025);

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 06/02/2026 về thực hiện Thông báo kết luận số 17-TB/CQTТBCĐ ngày 29/12/2025 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 13-KH/TU ngày 08/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thông báo số 20-TB/CQTТBCĐ. Tiếp tục chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng: dự thảo Kế hoạch thay thế Kế hoạch số 39/KH-UBND, yêu cầu bổ sung cập nhật các nhiệm vụ được Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo Chính phủ, Tỉnh ủy giao việc tại Chương trình Công tác số 02-CTr/BCĐTW ngày 02/02/2026, Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026, Công văn số 759-CV/TU ngày 18/3/2026, trong đó cập nhật đầy đủ các nhiệm vụ mới được giao; đồng thời điều chỉnh một số chỉ tiêu theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Chính phủ tại Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026, như: tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) từ 48% lên 50%; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo từ 10% lên 36%¹;

¹ Sở Khoa học và Công nghệ đã trình UBND tỉnh dự thảo kế hoạch triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2026 tại Tờ trình số 137/TTr-SKHСN ngày 31/3/2026.

dự thảo Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai Chương trình số 20-CTr/TU ngày 25/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 – 2030². Trong các Kế hoạch, Chương trình công tác của tỉnh, đã chỉ đạo rõ tinh thần chủ động, sáng tạo trong triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, không thụ động, trông chờ Trung ương giao nhiệm vụ mà chủ động đề xuất các nhiệm vụ sát với điều kiện thực tế của tỉnh; nội dung kế hoạch được xây dựng theo hướng rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn, rõ kết quả; đồng thời, xác định cụ thể các nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi cần tập trung chỉ đạo, gắn với bố trí nguồn lực phù hợp, bảo đảm tính khả thi, đồng bộ và hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

Đồng thời, thực hiện chỉ đạo của Trung ương về triển khai Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2026), UBND tỉnh đã giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, tham mưu văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh triển khai Quyết định số 268/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh³. Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh tập trung triển khai 04 nhóm nhiệm vụ trọng tâm, trong đó nhiệm vụ rà soát văn bản quy phạm pháp luật được xác định là nhiệm vụ cấp bách, phải hoàn thành và báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 31/5/2026. Hiện nay, Sở Khoa học và Công nghệ đang chủ trì, phối hợp các sở, ngành tổ chức rà soát, đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản có liên quan.

1.2. Về cải cách hành chính

Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 30/01/2026 về đẩy mạnh CCHC nhà nước tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 24/3/2026 triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU; Chủ tịch UBND tỉnh ban hành: Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 17/12/2025 về CCHC nhà nước tỉnh Bắc Ninh năm 2026; Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 28/01/2026 về việc xác định Chỉ số CCHC đối với các cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp xã.

1.3. Về Đề án 06

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 21/02/2026 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo về dữ liệu tỉnh Bắc Ninh; Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 23/02/2026 về việc kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ phát triển dữ liệu năm 2026; Chương trình công tác số 1526/CTr-BCĐ ngày 23/02/2026 của Ban chỉ đạo tỉnh về dữ liệu năm 2026.

2. Hoạt động của Ban Chỉ đạo: Ngay từ cuối năm 2025, Ban Chỉ đạo đã xây dựng và ban hành Chương trình công tác năm 2026⁴ và Kế hoạch kiểm tra năm 2026

² Sở Khoa học và Công nghệ đã dự thảo Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai Chương trình số 20-CTr/TU ngày 25/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 – 2030 và đang xin ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương cho ý kiến góp ý tại Công văn số 1225/SKH-CN-CĐS ngày 27/3/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ.

³ Công văn số 2484/UBND-HCC ngày 21/3/2026 của UBND tỉnh

⁴ Số 6548/UBND-KGVX ngày 31/12/2026

của Ban Chỉ đạo⁵. Trong đó xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm cần triển khai thực hiện trong năm 2026 cho các thành viên. Ban Chỉ đạo tổ chức phiên họp lần thứ nhất vào 25/02/2026, ban hành Thông báo Kết luận số 107/TB-UBND ngày 03/3/2026 về kết luận của Ban Chỉ đạo đối với nội dung đánh giá tình hình hoạt động Quý I năm 2026 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm Quý II năm 2026 trong lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Tiếp đó, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Mai Sơn: tổ chức buổi làm việc về tiến độ thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và công tác cải cách hành chính, phát triển dữ liệu và an toàn thông tin năm 2026 vào ngày 12/3/2026, sau buổi làm việc đã ban hành Thông báo Kết luận số 126/TB-UBND ngày 15/3/2026; tổ chức buổi làm việc về tiến độ thực hiện giải ngân vốn cho nhiệm vụ KHCN, ĐMST & CDS vào ngày 24/3/2026.

3. Về tuyên truyền, nâng cao nhận thức: Công tác tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW đã được triển khai thường xuyên, đồng bộ, bài bản, góp phần nâng cao nhận thức trong toàn xã hội. Các đơn vị thường xuyên quán triệt, chỉ đạo thực hiện NQ57 thông qua các hội nghị giao ban báo, tạp chí hằng tuần, hằng tháng. Nội dung tuyên truyền tập trung phân tích, làm rõ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết; nhấn mạnh ý nghĩa, tầm quan trọng của KHCN, ĐMST, CDS như một điều kiện tiên quyết để đất nước phát triển trong kỷ nguyên mới. Các cơ quan báo chí đã mở nhiều chuyên trang, chuyên mục, đăng tải tin, bài, phỏng vấn với cách tiếp cận đa dạng, sinh động. Trên báo in, báo điện tử, duy trì chuyên trang Khoa học Công nghệ trên 3 số báo/tuần; trong các số báo hằng ngày, việc tuyên truyền các nội dung thực hiện NQ57 của tỉnh, các sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị được triển khai đều đặn; đồng thời, duy trì Chuyên mục Chuyển đổi số, Khoa học và Công nghệ trên báo điện tử. Trên Báo Bắc Ninh thường kỳ và Báo Bắc Ninh điện tử tuyên truyền gần 50 lượt với hơn 80 tin, bài, ảnh về Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Hàng tháng, Báo và Phát thanh, Truyền hình Bắc Ninh chú trọng sản xuất các sản phẩm báo chí multimedia về các nội dung Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Các tác phẩm cũng được tái tạo, phát trên trang thông tin điện tử và nền tảng số và các nền tảng mạng xã hội⁶. Trên sóng Phát thanh – Truyền hình: tập trung tuyên truyền về những vấn đề có tính thời sự để tuyên truyền. Duy trì chuyên mục “Đưa Nghị quyết 57 vào cuộc sống”; thời lượng 10 phút⁷. Các chuyên đề, tạp chí, phóng sự sau khi được phát trên sóng Truyền hình

⁵ số 192/KH-UBND ngày 31/12/2026

⁶ **Một số tác phẩm tiêu biểu:** Bắc Ninh triển khai thực hiện các kết luận, nghị quyết về phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số; Doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng tầm quy mô cùng công nghệ; Bắc Ninh: Đẩy nhanh tiến độ triển khai mạng 5G; Đẩy mạnh số hóa, khai thác dữ liệu dùng chung; Mở rộng hệ thống đo lường, nâng hiệu quả quản lý; Hiện đại hóa công tác Đăng; Bước chuyển từ việc trang bị máy tính cho thôn, tổ dân phố; Công nghệ sinh học cải thiện chất lượng nguồn giống; Tuổi trẻ Công an tỉnh Bắc Ninh sáng tạo trong chuyển đổi số; Phở cập chữ ký số công cộng: Tạo “chìa khóa số” cho người dân; Lan tỏa tinh thần đổi mới, ứng dụng công nghệ trong đội ngũ cán bộ; Gắn kết nghiên cứu khoa học với ứng dụng, chuyển giao; Lấy người dân làm trung tâm kiến tạo xã hội số; Ứng dụng trí tuệ nhân tạo, tăng hiệu quả thực thi công vụ; “Tuổi trẻ Công an Bắc Ninh sáng tạo trong chuyển đổi số”: “Bắc Ninh: 111 sản phẩm tham gia Hội thi sáng kiến, cải tiến trang thiết bị kỹ thuật, đồ dùng huấn luyện”. Tin, bài multimedia: Ứng dụng nền tảng số trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

⁷ Gồm: Nghị quyết 57 thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện từ chính quyền đến người dân; Ứng dụng nền tảng số trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Thực hiện 05 chuyên mục, tạp chí, phóng sự như Chuyên mục: Doanh nghiệp hội nhập và phát triển, Tạp chí Kinh tế, Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Xúc Tiến Công thương... cũng tập trung đưa các nội dung với chủ đề về Nghị quyết 57.

cũng được chuyển sang thể loại phát trên sóng phát thanh; phát trên trang thông tin điện tử và nền tảng số của BTV⁸. Ngoài ra, tiếp tục duy trì truyền thông hiệu quả chuyên mục “CCHC nhà nước”⁹ với nhiều hoạt động phóng sự tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

4. Công tác kiểm tra, giám sát

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 10/01/2026 thành lập 03 Đoàn kiểm tra công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính tỉnh Bắc Ninh. Các Đoàn kiểm tra đã xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện. Từ đầu năm đến nay, đã kiểm tra đột xuất tại 08 UBND cấp xã (Phương Liễu, Nam Sơn, Vũ Ninh, Phương Sơn, Đông Phú, Cảnh Thụy, Đông Việt, Tiên Phong). Qua kiểm tra, đã phát hiện một số tồn tại, hạn chế và được khắc phục kịp thời. Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Bắc Ninh ban hành Kế hoạch số 192/KH-BCĐ ngày 31/12/2025 về kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và triển khai Đề án 06 năm 2026, dự kiến kiểm tra 03 đơn vị cấp sở và 22 đơn vị cấp xã, thực hiện trong Quý III, IV năm 2026.

II. CÔNG TÁC XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH THUỘC LĨNH VỰC KH, CN, ĐMST, CDS

Trong Quý I/2026, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo UBND tỉnh đã ban hành: 27 Quyết định, 18 Kế hoạch, 32 Công văn, 11 các văn bản khác gồm Chương trình công tác, Thông báo kết luận để chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06. (*Chi tiết theo Phụ lục 1 kèm theo*).

Đặc biệt, trong Quý I/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 Quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn ngân sách nhà nước (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2026 và thay thế Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ) với nhiều điểm mới về quy trình lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. UBND tỉnh đã kịp thời ban hành văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (thay thế Công văn số 5338/UBND-KGVX ngày 28/11/2025), yêu cầu các cơ quan, đơn vị rà soát danh mục dự án, điều chỉnh quy trình đầu tư theo quy định mới¹⁰.

⁸ Một số tác phẩm tiêu biểu: Thúc đẩy phát triển Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ; tích tụ để sản xuất lớn; giữ vững đà tăng trưởng; Doanh nghiệp linh hoạt các giải pháp giữ chân người lao động; thắt chặt công tác phòng chống hàng giả, hàng kém chất lượng.

⁹ Kết quả: Sản xuất và phát sóng 11 tin, phóng sự về thực hiện CDS gồm: Bắc Ninh: Nâng cấp hạ tầng phục vụ chuyển đổi số toàn diện; Sở Khoa học và Công nghệ triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung; Bắc Ninh: Xây dựng chiến lược chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030; Toàn tỉnh thành lập 2.861 tổ công nghệ số cộng đồng; Phóng sự Khai thác “nền dữ liệu gốc” trong thực hiện TTHC; Bắc Ninh ban hành kế hoạch phát triển dữ liệu năm 2026; Hơn 12 nghìn hồ sơ được tiếp nhận, xử lý thông suốt trên Hệ thống tập trung; Phóng sự Cải cách hành chính để phát triển doanh nghiệp số; Kết nối đồng bộ với phần mềm chuyên ngành, hệ thống thông tin giải quyết TTHC của BN hoạt động ổn định, hiệu quả; Ngành y tế BN đẩy mạnh CDS, tối ưu hóa TTHC và trải nghiệm của người dân; Lạng Giang – Khi chính quyền đồng hành cùng người dân đẩy mạnh CDS.

¹⁰ Công văn số 2753/UBND-CDS ngày 27/3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện một số quy định về thẩm định, phê duyệt đối với các nhiệm vụ, dự án đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO

1. Tình hình kết quả triển khai Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh (Chương trình số 6548/UBND-KGVX)

Theo Chương trình Công tác số 6548/UBND-KGVX, nhiệm vụ về KH,CN, ĐMST, CDS tổng số nhiệm vụ được giao là 28 nhiệm vụ:

(1) Nhiệm vụ thường xuyên: 4 nhiệm vụ đang thực hiện.

(2) Nhiệm vụ có thời hạn:

+ Nhiệm vụ có thời hạn đã hoàn thành: 0 nhiệm vụ.

+ Nhiệm vụ có thời hạn đã quá hạn: 0 nhiệm vụ;

+ Nhiệm vụ sắp đến hạn nhưng chưa thực hiện: 01¹¹ nhiệm vụ

+ Nhiệm vụ có thời hạn đang thực hiện: 24 nhiệm vụ;

- Nhiệm vụ có khó khăn, vướng mắc đến thời điểm báo cáo: 01 nhiệm vụ, cụ thể: Nhiệm vụ Nghiên cứu thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương theo quy định của pháp luật; Thời hạn: Năm 2026¹².

2. Tình hình thực hiện thực hiện các nhiệm vụ được giao tại các chương trình, kế hoạch, thông báo kết luận, văn bản chỉ đạo của Trung ương¹³

2.1. Nhiệm vụ tại các Chương trình, Thông báo kết luận, Kế hoạch của Ban Chỉ đạo Trung ương, Nghị quyết 71/NQ-CP, Nghị quyết 11/NQ-CP

¹¹ Triển khai chính sách hỗ trợ cho cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số theo hướng dẫn tại Thông tư số 23/2025/TT-BKHCN ngày 20/10/2025 về Hướng dẫn xác định vị trí việc làm chuyên trách về chuyển đổi số được hưởng mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 179/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ

¹² Việc thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương hiện đang gặp vướng mắc khó khăn: i) Vướng mắc về phạm vi và đối tượng đầu tư vốn Nhà nước: Hiện có sự chưa thống nhất giữa Luật số 68/2025/QH15 và Nghị định số 366/2025/NĐ-CP về đối tượng thụ hưởng đầu tư vốn nhà nước. Cụ thể: Luật số 68/2025/QH15 cho phép đầu tư để thực hiện nhiệm vụ “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số”. Tuy nhiên, Nghị định số 366/NĐ-CP lại giới hạn phạm vi đầu tư tại địa phương, chỉ áp dụng cho “Doanh nghiệp khoa học và công nghệ”. (ii) Xung đột giữa nguyên tắc bảo toàn vốn và cơ chế chấp nhận rủi ro: Luật số 68/2025/QH15 quy định trách nhiệm “bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp”. Tuy nhiên, Nghị định số 264/2025/NĐ-CP về Quỹ đầu tư mạo hiểm lại quy định nguyên tắc hoạt động là “chấp nhận rủi ro có kiểm soát” và “không áp dụng yêu cầu bảo toàn vốn đối với từng dự án, nhiệm vụ cụ thể”, do đó chưa có sự hướng dẫn để thống nhất; (iii) Khó khăn về hình thức thành lập và trình tự góp vốn nhà nước: Nghị định số 264/2025/NĐ-CP yêu cầu Quỹ đầu tư mạo hiểm địa phương phải thành lập dưới hình thức doanh nghiệp và UBND tỉnh đóng vai trò đầu mối lựa chọn thành viên sáng lập để cùng góp vốn. Tuy nhiên, hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục phối hợp giữa quy trình ngân sách (sử dụng nguồn chi đầu tư phát triển) với quy trình thành lập pháp nhân mới theo pháp luật doanh nghiệp.

¹³ 34 văn bản giao việc chỉ đạo của Trung ương: Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025; Quyết định 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024; Thông báo số 06-TB/BCĐCDS ngày 18/3/2025; Thông báo số 06-TB/BCĐCDS ngày 18/3/2025; Kế hoạch số 04-KH/CQTTCĐ 20/10/2025; Kế hoạch số 17-KH/BCĐ, ngày 31/01/2026; Thông báo số 25-TB/TGV ngày 24/5/2025; Thông báo số 05-TB/BCĐTW ngày 04/07/2025; Thông báo số 44-TB/TGV ngày 12/9/2025; Chương trình số 02-CTr/BCĐTW, 02/02/2026; Thông báo số 30-TB/TGV ngày 13/6/2025; Thông báo số 17-TB/CQTTCĐ ngày 29/12/2025; Thông báo số 27-TB/TGV ngày 08/06/2025; Thông báo số 46-TB/TGV ngày 30/09/2025; Thông báo số 43-TB/TGV ngày 08/9/2025; Kế hoạch số 04-KH/BCĐTW, ngày 05/01/2026; Thông báo số 04-TB/BCĐTW ngày 30/5/2025; Thông báo số 19-TB/TGV ngày 09/5/2025; Thông báo số 35-TB/TGV ngày 11/7/2025; Thông báo số 42-TB/TGV ngày 22/8/2025; Thông báo số 03-TB/BCĐTW ngày 06/3/2025; Thông báo số 06-TB/CQTTCĐ ngày 27/9/2025; Thông báo số 07-TB/CQTTCĐ ngày 15/10/2025; Thông báo số 27-TB/TGV ngày 08/6/2025; Thông báo số 47-TB/TGV ngày 17/10/2025; Thông báo số 33-TB/TGV ngày 27/6/2025; Thông báo số 53-TB/TGV ngày 23/11/2025; Thông báo số 15-TB/TGV ngày 28/4/2025; Thông báo số 39-TB/TGV ngày 09/8/2025; Thông báo số 14-TB/TGV ngày 21/4/2025; Thông báo số 52-TB/TGV ngày 06/11/2025; Công văn Số 939-CV/VPTW ngày 13/3/2026.

Lũy kế đến ngày 31/3/2026, tổng số nhiệm vụ giao: **242** nhiệm vụ.

- Số nhiệm vụ thường xuyên: **80** nhiệm vụ.

- Số nhiệm vụ có thời hạn:

+ Số nhiệm vụ đã hoàn thành (đến thời điểm báo cáo): **135** nhiệm vụ.

+ Số nhiệm vụ đang thực hiện (đến thời điểm báo cáo): 27 nhiệm vụ.

+ Số nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành (đến thời điểm báo cáo): 0

+ Số nhiệm vụ chưa đến hạn nhưng có khó khăn để hoàn thành: chưa có.

2.2. Nhiệm vụ tại Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (Nhiệm vụ mới giao)

a) Tổng số chỉ tiêu giao năm 2026: **15** chỉ tiêu;

- Tổng số chỉ tiêu đã hoàn thành (đến thời điểm báo cáo): **08**¹⁴ chỉ tiêu;

- Tổng số chỉ tiêu đang thực hiện (đến thời điểm báo cáo): **07** chỉ tiêu.

b) Tình hình thực hiện nhiệm vụ :

- Tổng số nhiệm vụ giao: 09 nhiệm vụ

- Số nhiệm vụ thường xuyên: 4

- Số nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành: 5

+ Số nhiệm vụ đã hoàn thành (đến thời điểm báo cáo): 0

+ Số nhiệm vụ đang thực hiện (đến thời điểm báo cáo): 5

+ Số nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành (đến thời điểm báo cáo): 0

+ Số nhiệm vụ chưa đến hạn nhưng có khó khăn để hoàn thành: 0.

3. Tình hình triển khai Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 08/02/2026 của UBND tỉnh (cụ thể hóa đầy đủ các nhiệm vụ, chỉ tiêu giao tại Kế hoạch số 13-KH/TU ngày 08/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chương trình số 6548/CTr-BCĐ ngày 31/12/2025 của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06)

a) Về tình hình thực hiện các chỉ tiêu:

- Tổng số chỉ tiêu đề ra năm 2026: **58** chỉ tiêu

¹⁴ Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã có trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử, đạt tỷ lệ: 100%; 2. Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử (Cấp Tỉnh), đạt tỷ lệ: 98%; 3. Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử (Cấp Xã), đạt tỷ lệ: 90%; 4. Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ, cơ quan (bao gồm các thủ tục hành chính thực hiện tại cấp tỉnh, xã), đạt tỷ lệ: 85,6%%; 5. Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đạt tỷ lệ: 85,6%%; 6. Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh, đạt tỷ lệ: 100%; 7. Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện liên quan đến doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ công trực tuyến, đạt tỷ lệ: 100%; 8. Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá ở mức độ hài lòng trở lên khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, đạt tỷ lệ: 97,63%.

- Tổng số chỉ tiêu đã hoàn thành (đến thời điểm báo cáo): **07¹⁵** chỉ tiêu
- Tổng số chỉ tiêu đang thực hiện (đến thời điểm báo cáo): **51** chỉ tiêu
- Tổng số chỉ tiêu khó khăn để hoàn thành hoặc không thể hoàn thành (đến thời điểm báo cáo): Chưa có.

(Chi tiết theo Phụ lục 02 kèm theo)

b) Tổng số nhiệm vụ năm 2026: **199** nhiệm vụ (16 nhiệm vụ giao chung toàn bộ các cơ quan, đơn vị, địa phương; 183 nhiệm vụ giao riêng từng cơ quan chủ trì)

- Số nhiệm vụ thường xuyên: **110** nhiệm vụ.
- Số nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành:
 - + Số nhiệm vụ đã hoàn thành (đến thời điểm báo cáo): **01¹⁶** nhiệm vụ.
 - + Số nhiệm vụ đang thực hiện (đến thời điểm báo cáo): **89** nhiệm vụ.
 - + Số nhiệm vụ có khó khăn, vướng mắc (đến thời điểm báo cáo): **3** nhiệm vụ ¹⁷.

4. Về tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp (PAKN, SKGP) về KHCCN, ĐMST, CDS: Từ đầu năm 2026 đến nay, tỉnh Bắc Ninh chưa nhận được PAKN, SKGP cần giải quyết.

5. Về Cải cách hành chính:

Tổng số nhiệm vụ được giao: 59 nhiệm vụ

Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đến thời điểm báo cáo: 18 nhiệm vụ

Số nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn: 41

Số nhiệm vụ quá hạn: 0

6. Về Đề án 06

Hiện nay, Chính phủ và Bộ Công an chưa ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án 06 năm 2026, chưa có kết quả thống kê các nhiệm vụ được giao.

IV. TÌNH HÌNH KẾT QUẢ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, NỔI BẬT THEO LĨNH VỰC

1. Về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1.1. Công tác triển khai công nghệ chiến lược và sản phẩm ưu tiên

Đã tổ chức triển khai đánh giá trình độ và năng lực công nghệ đối với doanh

¹⁵ 1. Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông, mục tiêu giao: $\geq 90\%$; 2. Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền, mục tiêu giao: 100%; 3. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến, mục tiêu giao: $\geq 95\%$; 4. Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp, mục tiêu giao: $\geq 80\%$; 5. Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử, mục tiêu giao: 95%; 6. Bệnh viện không giấy tờ, mục tiêu giao: 100%.

¹⁶ Xây dựng Chương trình đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh (đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua tại chương trình họp ngày 17/3/2026).

¹⁷ Có 3 nhiệm vụ có thời hạn 31/3/2026 được lùi thời hạn đến khi Trung ương ban hành các văn bản làm căn cứ pháp lý triển khai: (1) Xây dựng bộ công cụ đánh giá mức độ chuyển đổi số cho các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ; (2) Xây dựng Đề án Chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025-2030, Chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ; (3) Xây dựng Đề án “Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin dùng chung”, Chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ. (Văn bản cho phép lùi thời hạn: Thông báo Kết luận số 126/TB-UBND ngày 15/3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh).

ng nghiệp và cụm ngành chủ lực của địa phương trên địa bàn; đề xuất nhu cầu tìm kiếm, kết nối, chuyển giao công nghệ với đối tác nước ngoài trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Đã chỉ đạo các sở, ngành, đơn vị tăng cường công tác quản lý nhà nước về quản lý công nghệ, chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh¹⁸; phối hợp chặt chẽ công tác quản lý, đánh giá, thẩm định đối với các dự án đầu tư có sử dụng công nghệ nhất là các dự án đầu tư sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao; dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ; tuyệt đối không chấp thuận các dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục cấm chuyển giao theo quy định hiện hành. Đặc biệt, ưu tiên chuyển giao công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch, công nghệ xanh, công nghệ phục vụ phát triển sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực, công nghệ phục vụ quốc phòng, an ninh vào tỉnh.

Chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định, cấp 07 Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ¹⁹; thành lập 02 Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, thẩm định công nghệ²⁰; cấp 02 Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ²¹; lấy ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập đối với 02 hồ sơ công nghệ²²; tổ chức 02 Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao²³; cho ý kiến về công nghệ đối với 26 hồ sơ, dự án trên địa bàn tỉnh theo quy định.

1.2. Về năng lực các cơ sở đào tạo, nghiên cứu (viện, trường, phòng thí nghiệm)

Hệ thống các cơ sở đào tạo và nghiên cứu trên địa bàn tỉnh đang được kiện toàn để trở thành hạt nhân cho hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Năng lực của các đơn vị như Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ và các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh từng bước được nâng cao. Bên cạnh đó, các tổ chức như Trung tâm Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số giữ vai trò nòng cốt trong việc lưu giữ, đăng ký kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất và đời sống. Việc kết nối chặt chẽ giữa các viện, trường với cơ quan quản lý cùng mạng lưới chuyên gia trong và ngoài nước đang tạo ra nguồn lực nghiên cứu dồi dào, phục vụ triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ mỗi năm.

1.3. Về phát triển tổ chức khoa học công nghệ

Tiếp tục duy trì, phát huy kết quả đã đạt được trong năm 2025, công tác phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ đóng vai trò trung tâm trong hệ sinh thái

¹⁸ Luật Chuyển giao công nghệ 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15 (Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2026) và Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

¹⁹ Các Công ty: (1) Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam; (2) Công ty TNHH Samkwang Vina; (3) Công ty TNHH Saekwang Eng Vina; (4) Công ty TNHH Sơn Samhwa Vina; (5) Công ty TNHH Phoenixtech Việt Nam; (6-7) Công ty TNHH Sungwoo Vina; (8) Công ty TNHH Việt Nam Parkerizing Hà Nội.

²⁰ (1) Khu xử lý rác thải sinh hoạt tại phường Tự Lạn, tỉnh Bắc Ninh (05/01); (2) Nhà máy xử lý nước thải tập trung thuộc Khu công nghiệp Phúc Sơn (17/01).

²¹ (1) Trung tâm Hiệu chuẩn, Thử nghiệm BG TECH; (2) Trung tâm Thử nghiệm và Kiểm định chất lượng ETECH.

²² (1) Hồ sơ công nghệ trạm xử lý nước thải tập trung của CCN Thuận Thành III; (2) Hồ sơ công nghệ trạm xử lý nước thải KCN Song Khê - Nội Hoàng (phía Bắc)

²³ (1) Công ty TNHH FUHONG Precision Component (Bắc Giang); (2) Công ty TNHH công nghệ chính xác FUYU

đổi mới sáng tạo; trong quý I/2026 tỉnh đã cấp giấy chứng nhận mới với 02 tổ chức khoa học và công nghệ²⁴, nâng tổng số tổ chức khoa học và công nghệ của tỉnh là 32 tổ chức.

1.4. Về phát triển doanh nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

Đã chỉ đạo các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp thực hiện khảo sát, bảo đảm các điều kiện đề nghị công nhận doanh nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh. Đã tiến hành khảo sát, hướng dẫn Tổng Công ty cổ phần May Bắc Giang LGG hoàn thiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận Doanh nghiệp KH-CN. Đã đề nghị UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao cho 02 doanh nghiệp.

1.5. Về triển khai Công sáng kiến giải pháp và Sàn giao dịch khoa học, công nghệ

Hiện nay, trên cơ sở đánh giá, lựa chọn các sản phẩm, giải pháp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để đưa vào ứng dụng và công bố đã được Bộ KH&CN triển khai tại Công sáng kiến Khoa học và Công nghệ có địa chỉ: <https://nq57.mst.gov.vn/>. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ phổ biến, tuyên truyền và khuyến khích các nhà khoa học, các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đề xuất các sản phẩm, giải pháp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để đưa vào ứng dụng và công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Đồng thời, thực hiện các quy định quản lý nhà nước trong lĩnh vực sáng kiến, để bảo đảm quyền lợi của các cá nhân, tập thể thực hiện nhiệm vụ trong quá trình công tác; UBND tỉnh đã giao Sở Khoa học và Công nghệ (Thường trực Hội đồng Sáng kiến tỉnh) triển khai thực hiện công tác đăng ký, tiếp nhận các sáng kiến tại cơ quan, đơn vị; xét, đánh giá và công nhận sáng kiến của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở²⁵; đồng thời lựa chọn các sáng kiến đủ điều kiện đề nghị Hội đồng sáng kiến tỉnh xem xét, đánh giá, trình UBND tỉnh công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng trong tỉnh của sáng kiến trong năm 2026.

1.6. Về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo

Thực hiện Chương trình số 02-CTr/BCĐTW ngày 02/02/2026 công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; UBND tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối²⁶ điều phối đổi mới sáng tạo cấp tỉnh để phối hợp các sở, ngành, địa phương, các trường đại học, cao đẳng, các hiệp hội, hội doanh nghiệp, doanh nhân triển khai các hoạt động thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và mạng lưới đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao năng suất lao động xã hội. Chỉ đạo thành lập Tổ công tác xây dựng Đề án thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm tỉnh Bắc Ninh (Tổ công tác), giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành xây dựng dự thảo Đề án và báo cáo đánh giá thực

²⁴ 1.Trung tâm Hiệu chuẩn, Thử nghiệm BG TECH; 2.Trung tâm Thử nghiệm và Kiểm định chất lượng ETECH.

²⁵ Hướng dẫn số 1603/HD-HĐSK ngày 19/8/2025 của Hội đồng Sáng kiến tỉnh Bắc Ninh.

²⁶ Công văn số 2312/UBND-KGVX ngày 17/3/2026 của UBND tỉnh.

trạng, đề xuất phương án thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm tỉnh Bắc Ninh²⁷.

Ngày 26/02/2026, UBND tỉnh tổ chức buổi làm việc với Đoàn công tác của Bộ Khoa học và Công nghệ do đồng chí Thứ trưởng Hoàng Minh làm Trưởng đoàn; tại chương trình buổi làm việc, UBND tỉnh cùng với Bộ KH&CN thống nhất ký kết thỏa thuận các nội dung hợp tác về thúc đẩy ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2026 - 2030; đồng thời giao cho các cơ quan, đơn vị của Bộ Khoa học và Công nghệ và UBND tỉnh chủ động, tích cực phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc tham gia xây dựng và thực hiện các nội dung hợp tác thuộc phạm vi theo thẩm quyền.

UBND tỉnh đã trình Ban Chỉ đạo về phát triển Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số của Tỉnh ủy xem xét chủ trương thành lập **Hội đồng Tư vấn khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cấp tỉnh**, nhằm huy động đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, doanh nghiệp tham gia tư vấn, phản biện chính sách, góp phần nâng cao chất lượng công tác lãnh đạo, chỉ đạo theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW.

1.7. Về thúc đẩy mô hình hợp tác 3 nhà

UBND tỉnh dự kiến tổ chức ký kết: (1) “Thỏa thuận hợp tác chiến lược về chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 – 2030, định hướng đến năm 2035” với Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam vào tháng 3/2026; (2) Chương trình phối hợp với Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, vào dịp tổ chức chuỗi sự kiện chào mừng Ngày Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam 18/5²⁸. Tổ chức làm việc với Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội; tổ chức hội thảo khoa học “Trí thức Bắc Ninh hiến kế xây dựng quê hương” với các chuyên gia, trí thức, nhà khoa học trong và ngoài tỉnh đang công tác tại các viện nghiên cứu, trường đại học,... để tăng cường phối hợp 3 Nhà.

Chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức ký kết chương trình phối hợp hoạt động với Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ, Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang; trong đó có các nội dung phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học, tọa đàm,... Chỉ đạo các sở, ngành của tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện biên bản ghi nhớ hợp tác giữa UBND tỉnh với Hiệp hội Doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giữa Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh với Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia; Hiệp hội Doanh nghiệp công nghiệp tỉnh và Trường Cao đẳng Nghề Lý Thái Tổ trong việc kết nối hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2026; xây dựng Chương trình phối hợp với Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam... để thúc đẩy các mô hình hợp tác “3 nhà” và phát

²⁷ Dự kiến tổ chức ra mắt dịp kỷ niệm Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam (18/5).

²⁸ UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1597/UBND-KGVX ngày 25/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về đề nghị ký kết Chương trình phối hợp công tác giai đoạn 2026 - 2030 giữa UBND tỉnh Bắc Ninh với Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 25/02/2026 của UBND tỉnh về tổ chức chuỗi sự kiện kỷ niệm Ngày Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam (18/5) năm 2026

triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, đô thị thông minh.

Đồng thời, Đề án “Ứng dụng công nghệ sinh học xây dựng và phát triển ngành công nghiệp sinh học tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” đã được ban hành (kèm theo Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 30/12/2025); trong đó, đã xác định giải pháp trọng tâm mở rộng hợp tác với các viện, trường, doanh nghiệp trong và ngoài nước để nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa sản phẩm công nghệ sinh học; chủ động tham gia các chương trình, dự án hợp tác quốc tế, hội nghị, hội thảo chuyên ngành; tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật, tài chính và công nghệ từ các nước có nền công nghệ sinh học phát triển. Thúc đẩy hợp tác “4 nhà” (Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp - Nhà đầu tư) và hợp tác công - tư trong phát triển công nghiệp sinh học. Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ số hóa GEN, AI, lưu trữ sinh học, phát triển các dự án hợp tác nghiên cứu, sản xuất, ứng dụng công nghệ sinh học quy mô lớn.

1.8. Phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Bắc Ninh đang được đẩy mạnh toàn diện thông qua việc triển khai xây dựng Kế hoạch thực hiện Quyết định số 2711/QĐ-TTg ngày 12/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về phát triển đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Tỉnh tích cực kết nối với mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học quê hương để huy động trí tuệ cho các bài toán phát triển kinh tế - xã hội. Công tác đào tạo được chú trọng đặc biệt trong các ngành công nghệ cao như công nghiệp bán dẫn, vi mạch và tự động hóa thông qua việc đầu tư các mô hình thiết bị thực hành hiện đại. Bên cạnh đó, các cơ chế chính sách mới về quản lý nhiệm vụ cũng đang được hoàn thiện nhằm tăng tính tự chủ cho cán bộ nghiên cứu, đồng thời đặt ra các chỉ tiêu cụ thể về số lượng bài báo quốc tế (Scopus/ISI) và công trình đạt giải thưởng quốc gia để tạo động lực bứt phá cho đội ngũ nhân lực chất lượng cao.

UBND tỉnh đã giao Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành phối hợp với các Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Trường Cao đẳng Lý Thái Tổ... nghiên cứu phát triển nhân lực khoa học và công nghệ để đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh và bền vững; xây dựng và tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về quản trị đổi mới sáng tạo, quản trị chương trình, dự án đổi mới sáng tạo; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; sở hữu trí tuệ và thương mại hóa tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh; tổ chức tư vấn các chương trình ươm tạo, tăng tốc khởi nghiệp; huấn luyện cố vấn (mentor); kết nối chuyên gia và mạng lưới hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trong nước và quốc tế.

Để phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 13/01/2026 về việc bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bắc Ninh năm 2026. Sở Nội vụ đang chuẩn bị công tác bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức cấp xã làm công tác Văn phòng, cán bộ, công chức làm công tác Tài chính kế hoạch; xây dựng và công thương; nông

ng nghiệp và môi trường; nội vụ; giáo dục và đào tạo; khoa học và thông tin.

Thực hiện chính sách hỗ trợ cán bộ chuyên trách chuyển đổi số theo Thông tư số 23/2025/TT-BKHHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ và Nghị định số 179/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Ngày 29/9/2025, Sở Nội vụ đã ban hành Công văn số 2214/SNV-CCVC hướng dẫn xây dựng Đề án vị trí việc làm cơ cấu ngạch công chức các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND cấp xã. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, Trung ương tiếp tục ban hành một số văn bản mới có liên quan trực tiếp đến vị trí việc làm, trong đó có Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm công chức thay thế Nghị định số 62/2020/NĐ-CP có nhiều nội dung mới; đồng thời hiện nay Trung ương chưa giao biên chế. Sau khi Trung ương giao biên chế, Sở Nội vụ tham mưu triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm của các cơ quan, địa phương trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, làm cơ sở thực hiện chính sách hỗ trợ cán bộ chuyên trách chuyển đổi số (xác định số lượng, chuyên ngành) theo Thông tư số 23/2025/TTBKHHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ và Nghị định số 179/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

1.9. Về hoạt động sở hữu trí tuệ

UBND tỉnh tổ chức triển khai hiệu quả công tác quản lý và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp, làng nghề, sản phẩm OCOP và các mặt hàng chủ lực của tỉnh; trong đó chú trọng đầu tư các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận và đổi mới mẫu mã, chất lượng để nâng tầm giá trị; xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về tài sản quyền tác giả, quyền liên quan và hệ thống phần mềm quản lý, phát hiện vi phạm SHTT trên môi trường mạng; Giao Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Cục Sở hữu trí tuệ Bộ Khoa học và Công nghệ hỗ trợ đẩy nhanh tiến độ thẩm định đơn đăng ký sáng chế của Công ty TNHH Dược liệu Fujiko Việt Nam; các tổ chức, cá nhân đăng ký **04** sáng chế, giải pháp hữu ích.

1.10. Hoạt động hợp tác quốc tế về KHHCN, ĐMST và CDS

Hiện nay, UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị địa phương vẫn đang tiếp tục triển khai các thoả thuận hợp tác quốc tế đã ký kết với các đối tác nước ngoài trong đó có lĩnh vực về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số như Thoả thuận thiết lập quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa UBND tỉnh Bắc Ninh, nước CHXHCN Việt Nam và chính quyền thành phố Daegu, Đại Hàn Dân Quốc (trong đó hợp tác trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, môi trường, dệt may, xây dựng thành phố thông minh, chuyển giao công nghệ,...); Bản ghi nhớ về việc thiết lập quan hệ kết nghĩa giữa UBND tỉnh Bắc Ninh, nước CHXHCN Việt Nam và Chính quyền tỉnh Đông Kazakhstan, nước Cộng hòa Kazakhstan (Tăng cường hợp tác và trao đổi thông tin, kinh nghiệm về: công nghiệp xây dựng; công nghệ thông tin; dịch vụ; đầu tư; giáo dục; cơ sở hạ tầng; vận tải và logistics; phát triển đô thị; du lịch; văn hoá; dược phẩm); Bản ghi nhớ giữa UBND tỉnh Bắc Ninh và Tổng Công ty nhà đất Hàn Quốc (LH) về phát triển đô thị khu vực đông nam thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tiếp nối chương trình đối tác tăng trưởng đô thị trên cơ sở hợp tác giữa Chính phủ Hàn - Việt và đặc biệt là Bản ghi nhớ giữa UBND tỉnh Bắc Giang và Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KOICA) về việc “Đào tạo nghề gắn với việc làm cho

người thuộc các nhóm người yếu thế ở vùng bị ảnh hưởng bởi chiến tranh và thanh thiếu niên Việt Nam bằng việc hỗ trợ Trường Cao đẳng Công nghệ Việt Hàn Bắc Giang phát triển nhân tài và lao động lành nghề”. Hiện nay dự án đang nhanh chóng hoàn thiện các thủ tục theo quy định để sớm triển khai tại tỉnh.

UBND tỉnh Bắc Ninh đã triển khai ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác với 04 tập đoàn, doanh nghiệp lớn và 02 trường đại học hàng đầu về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh ký biên bản ghi nhớ hợp tác với Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia; một số hiệp hội, hội doanh nghiệp, trường dạy nghề trên địa bàn. Hỗ trợ kết nối giữa một số trường dạy nghề và doanh nghiệp FDI tại địa phương ký kết hợp tác đào tạo nguồn nhân lực số;...

1.11. Về Chuyển đổi số

a) Về thực hiện các nhiệm vụ, dự án CNTT, chuyển đổi số theo Kế hoạch số 194/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh:

Tổng số nhiệm vụ, dự án theo Kế hoạch 194/KH-UBND: 100 nhiệm vụ, tổng kinh phí: 533.099 triệu đồng. Trong đó:

(1) Số nhiệm vụ đang triển khai: 24 nhiệm vụ, tổng: 118.748 triệu đồng

(2) Số nhiệm vụ chưa triển khai: 61 nhiệm vụ, tổng: 361.427 triệu đồng

(3) Số nhiệm vụ đề xuất huỷ bỏ: 15 nhiệm vụ, tổng: 52.924 triệu đồng

(4) Số nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành:

+ Số nhiệm vụ đã hoàn thành (đến thời điểm báo cáo): 0 nhiệm vụ

+ Số nhiệm vụ đang thực hiện (đến thời điểm báo cáo): 24 nhiệm vụ

+ Số nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành (đến thời điểm báo cáo): 0 Nhiệm vụ

b) Về chính quyền số

*** Về phát triển hạ tầng số:**

- **Hạ tầng viễn thông tiếp tục được phát triển đồng bộ:** 100% xã đã kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng và 100% dân số được phủ sóng di động. Toàn tỉnh lắp đặt khoảng 849 trạm BTS 5G, vùng phủ 5G đạt trên 92,12% dân số toàn tỉnh. Hạ tầng viễn thông được nâng cấp, mở rộng, chất lượng phủ sóng, dịch vụ viễn thông được nâng cao. 100% thôn, bản, tổ dân phố có hạ tầng Internet cáp quang băng rộng cố định.

- **Hạ tầng Công nghệ thông tin:** Duy trì hoạt động ổn định 02 Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, từng bước nâng cấp, bảo đảm an toàn thông tin; bố trí 495 đường truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan Đảng, Nhà nước thông suốt từ tỉnh đến xã để phục vụ triển khai các phần mềm dùng chung, hội nghị truyền hình trực tuyến phục vụ chính quyền 2 cấp (trong đó: (1) Hoàn thành đủ 155 kênh thuộc Mạng truyền số liệu chuyên dùng bảo mật liên thông các cơ quan trong hệ thống chính trị kết nối tới các tổ chức cấp xã tại 04 khối cơ quan, sẵn sàng triển khai các dịch vụ xử lý thông tin có chứa nội dung bí mật nhà nước cấp độ Mật, Tối Mật trong

toàn hệ thống chính trị); (2) Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến được triển khai đến 100% các xã, phường với 99 kênh mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ riêng cho hội nghị truyền hình trực tuyến cấp cơ sở (trong Quý I đã phục vụ 52 cuộc họp từ Trung ương đến địa phương, bảo đảm kết nối thông suốt và an toàn thông tin, đặc biệt đã tập trung hỗ trợ tốt các Hội nghị tiếp xúc cử tri theo hình thức trực tuyến; phối hợp với các đơn vị đảm bảo tốt điều kiện phục vụ tiếp công dân trực tuyến tại Ban tiếp công dân tỉnh và các địa phương). Bên cạnh mạng truyền số liệu chuyên dùng, duy trì song song các đường truyền Internet tốc độ cao trên nền tảng IPv6 đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chuyển đổi số và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung đáp ứng tốt các yêu cầu về an toàn thông tin, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành.

*** Về nền tảng, ứng dụng số**

- Tiếp tục duy trì vận hành ổn định 17 hệ thống thông tin dùng chung và các hệ thống chuyên ngành phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và xử lý nghiệp vụ. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc đã cấu hình cho 23 sở, ngành, 99 xã và 300 đơn vị sự nghiệp với khoảng 30.381 tài khoản (tổ chức: 3.004 tài khoản; cá nhân: 27.377 tài khoản), đồng thời phát triển phiên bản ứng dụng trên thiết bị di động. Hệ thống thư điện tử công vụ triển khai dùng chung cho cả khối Chính quyền, khối Đảng, Đoàn thể với tổng số tài khoản đã tạo lập và cấp phát cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân là: 43.258²⁹, hệ thống ký số đang vận hành với 76.544 chứng thư (tổ chức: 7.840 chứng thư, cá nhân: 68.794 chứng thư). Hệ thống Cổng thông tin điện tử dùng chung tỉnh Bắc Ninh được triển khai với 01 Cổng chính của UBND tỉnh, 30 Cổng thành phần của các cơ quan chuyên môn, 99 Cổng cấp xã và 10 chuyên trang. Các nền tảng LGSP, Cổng dữ liệu mở, hệ thống phản ánh hiện trường (khoảng 2900 tài khoản), quản trị thực thi, kho dữ liệu số, nền tảng GIS, nền tảng giao tiếp số giữa chính quyền với người dân doanh nghiệp, hệ thống thông tin báo cáo, Nền tảng nhận dạng ký tự quang học (OCR) dùng chung... tiếp tục được duy trì, khai thác, sử dụng, phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu. Đến nay cơ bản cán bộ công chức viên chức trên địa bàn tỉnh đã quen và sử dụng thành thạo các phần mềm để giải quyết công việc chuyên môn. Tỷ lệ gửi nhận văn bản đi, đến trong các cơ quan nhà nước đạt 100% (trừ văn bản mật). 100% văn bản phát hành được sử dụng chữ ký số của tổ chức và cá nhân, 100% hồ sơ văn bản được xử lý dưới dạng toàn trình trên hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành công việc dùng chung của tỉnh. Các sở, ngành khác tiếp tục duy trì, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin chuyên ngành phục vụ công tác quản lý.

*** Về triển khai Trung tâm điều hành thông minh (IOC) cấp tỉnh:** UBND tỉnh đã ban hành văn bản chỉ đạo triển khai thí điểm 15 kịch bản điều hành trên hệ thống IOC cấp tỉnh³⁰, giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các sở, ngành triển khai thử nghiệm đến hết ngày 31/8/2026. Các kịch bản tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm như: quản lý kinh tế - xã hội, giải ngân đầu tư công, giám sát

²⁹ trong đó số tài khoản cấp cho tổ chức khối đảng 1.603 tài khoản, cấp cho tổ chức khối chính quyền là 5.181 tài khoản và 36.461 tài khoản cá nhân

³⁰ Công văn số 2889/UBND-CDĐT ngày 31/3/2026

TTHC, dữ liệu dân cư, y tế, giáo dục, giao thông... Việc triển khai IOC bước đầu tạo nền tảng phục vụ chỉ đạo, điều hành theo thời gian thực của lãnh đạo tỉnh.

Thực hiện Quyết định số 502/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tích hợp dữ liệu camera, cơ sở dữ liệu dân cư và hệ thống IOC, tỉnh Bắc Ninh thuộc giai đoạn 2 (10/2026–12/2027), UBND tỉnh đã giao Công an tỉnh chủ trì tổ chức triển khai. Hiện nay, các cơ quan liên quan đang phối hợp rà soát hạ tầng, dữ liệu và xây dựng phương án triển khai, bảo đảm sẵn sàng kết nối theo lộ trình của Trung ương.

*** Về dịch vụ công trực tuyến, thủ tục hành chính**

UBND tỉnh triển khai nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, triển khai thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính mô hình tập trung của bộ, ngành dọc, tiếp tục áp dụng chính sách phí, lệ phí 0 đồng với 42 thủ tục trực tuyến và miễn phí cấp phiếu lý lịch tư pháp qua ứng dụng VNeID; triển khai cắt giảm thời gian giải quyết đối với 169 TTHC thực hiện trực tuyến nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp chuyển từ hồ sơ giấy sang môi trường điện tử. Kết quả nổi bật Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp (Bộ chỉ số 766) của tỉnh xếp thứ 5/34 tỉnh, thành phố.

- Việc thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) và cung cấp dịch vụ công trực tuyến từ tháng 01/2026 đến thời điểm báo cáo³¹:

- Đối với nhóm số hóa hồ sơ: Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng đạt 93.68%; Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 93.68%; Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại dữ liệu: 79.78%

- Đối với nhóm tiến độ giải quyết đạt 19.52/20 điểm

- Đối với nhóm công khai minh bạch đạt 18/18 điểm, 100% TTHC được công khai đầy đủ trên Cổng DVCQG

- Đối với nhóm DVCTT: Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến cả nước đạt 96.3%

- Đối với nhóm Thanh toán trực tuyến: Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt 89.43%

- Đối với nhóm Mức độ hài lòng đạt 97.59%

- Số lượng thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước vượt mục tiêu 80%.

- Việc thực hiện TTHC không phụ thuộc địa giới: Tỉnh đã công bố và triển khai thực hiện 100% TTHC không phụ thuộc địa giới đối với các TTHC thuộc phạm vi quản lý, giải quyết.

*** Về kết nối HTTT GQTTHC với Cổng DVCQG qua TTDLQG (C12)**

Tỉnh đang tập trung triển khai kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia thông qua Trung tâm Dữ liệu quốc gia theo lộ trình Giai đoạn 2 (AgentNode/NDOP). Ngày 27/3/2026 Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Mai Sơn chủ trì tổ chức cuộc họp về triển khai kết nối

³¹ Số liệu trên Cổng DVC quốc gia ngày 24/3/2026

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia. Sau cuộc họp UBND tỉnh ban hành Thông báo Kết luận số 158/TB-UBND ngày 31/3/2026, theo đó các cơ quan, đơn vị đang tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ kỹ thuật, gồm: hoàn thành tích hợp đăng nhập một lần (SSO) qua VNeID trước ngày 02/4/2026; hoàn thành chuẩn bị hạ tầng, thiết lập kết nối mạng cho AgentNode trước ngày 08/4/2026; phối hợp lắp đặt, vận hành AgentNode tại Trung tâm dữ liệu tỉnh trước ngày 12/4/2026... Đồng thời, Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công) chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh và VNPT nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đáp ứng yêu cầu kết nối, tích hợp với Cổng DVCQG mới, bảo đảm vận hành thông suốt, an toàn thông tin trong quá trình chuyển đổi.

*** Về phát triển dữ liệu**

- Tiếp tục duy trì, vận hành ổn định hoạt động của Kho dữ liệu số của tỉnh; các cơ quan, đơn vị thực hiện quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu của các cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh theo Quy chế đã ban hành. Hiện tại đã đồng bộ đầy đủ Dữ liệu Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư; Dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo về Kho dữ liệu số của tỉnh. Đã và đang tiếp tục triển khai đồng bộ các CSDL dùng chung khác về kho dữ liệu số của tỉnh như: tình hình quản lý, khai thác vận hành sử dụng của Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống phản ánh kiến nghị; Dữ liệu ngành Y tế; Dữ liệu vi phạm hành chính trật tự an toàn giao thông đường bộ; Dữ liệu Kinh tế xã hội; Dữ liệu đăng ký kinh doanh và Hộ kinh doanh cá thể.... Các Dữ liệu khác (chưa lưu trữ trong kho dữ liệu số của tỉnh) nhưng vẫn được các Sở, ngành khai thác sử dụng theo các CSDL chuyên ngành của Bộ/ngành theo trực dọc (Bảo hiểm xã hội; Đất đai; Hộ tịch; Văn bằng tốt nghiệp (Sở GD&ĐT)...) phục vụ cho Người dân và Doanh nghiệp trong cắt giảm thành phần hồ sơ khi thực hiện các thủ tục hành chính.

- Tham mưu UBND tỉnh thành lập Ban chỉ đạo về dữ liệu tỉnh Bắc Ninh³²; ban hành Kế hoạch phát triển dữ liệu tỉnh Bắc Ninh năm 2026³³. Tham mưu Ban Chỉ đạo về dữ liệu tỉnh ban hành Chương trình công tác năm 2026³⁴, xác định năm 2026 là năm nền tảng hình thành hệ thống quản trị, hạ tầng và chuẩn dữ liệu thống nhất.

- Duy trì cập nhật thường xuyên, liên tục 6 CSDL chuyên ngành cơ bản đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống”, gồm: (1) Dữ liệu BHXH: Kết quả đồng bộ dữ liệu người đang tham gia của BHXH với CSDL quốc gia về dân cư: 3.296.441/3.300.064 trường hợp, đạt 99,89% (số liệu tổng hợp trên Hệ thống (TST) của ngành đến tháng 27/02/2026). (2) Dữ liệu CBCCVC: Tổng số 65.248 hồ sơ đã cập nhật, đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC, đạt 100%; (3) Dữ liệu văn bằng chứng chỉ: Sở GD&ĐT đã số hóa toàn bộ hồ sơ lưu trữ sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp THPT của tỉnh Bắc Ninh (cũ) với tổng số 12338 trang A4 và 4057 trang A3; tài liệu được quét và lưu định dạng .pdf, tài liệu được cập nhật trên phần mềm quản lý số hóa văn bằng chứng chỉ của sở GD&ĐT và lưu trữ tại trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh phục vụ cho việc tra cứu thông tin. Ngoài ra, thực hiện Kế hoạch số 2355/KH-BGD&ĐT ngày

³² Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh.

³³ Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 07/02/2026 của UBND tỉnh.

³⁴ Chương trình số 1526/CTr-BCĐ ngày 23/02/2026 của Ban Chỉ đạo về dữ liệu.

22/12/2025 của Bộ GDĐT về số hóa dữ liệu văn bằng, chứng chỉ đã cấp, Sở GDĐT đã xây dựng kế hoạch triển khai và bố trí nguồn kinh phí thực hiện theo lộ trình đến 31/12/2026 hoàn thành số hóa 100% dữ liệu văn bằng chứng chỉ đã cấp được của khối THPT và THCS đẩy lên hệ thống phần mềm quản lý của Bộ GDĐT để làm sạch dữ liệu, phục vụ cho việc tra cứu của công dân và doanh nghiệp khi cần xác minh văn bằng gốc, không cần phải làm thủ tục xin cấp lại bản sao như trước đây; (4) Dữ liệu đất đai: Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với CAT đã trích xuất dữ liệu đất đai hiện có và chuyển danh sách chủ sử dụng đất và thông tin thửa đất cần làm sạch tới Cục C06 - Bộ Công an, tổng số 1.453.856 chủ sử dụng đất. Kết quả đã “làm sạch” trùng khớp 1.371.643 thông tin chủ sử dụng đất với CSDL quốc gia về dân cư, đạt tỷ lệ 94,3%. Tiếp tục rà soát bổ sung làm sạch CSDL đất đai thông qua các Thủ tục hành chính về đất đai và phối hợp với phòng PC 06 - Công an tỉnh bổ sung thông tin cập nhật vào CSDL đất đai VBDLIS tỉnh Bắc Ninh. Đến thời điểm tháng 3/2026 đã thực hiện: 160.821 lượt đồng bộ ; đã thực hiện đồng bộ 1.987.514 thửa đất có trong cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh lên cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; (5) Dữ liệu hộ tịch: Đã số hóa 2.699.507 dữ liệu hộ tịch; 100% dữ liệu hôn nhân sai lệch giữa CSDLHTĐT với CSDLQGVDC (5.045/5.045 dữ liệu) đã được rà soát, xử lý theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp; rà soát, xử lý 121,162/128.858 thông tin khai sinh có sai lệch, đạt 94%; (6) Dữ liệu dân cư: Thường xuyên thu thập, cập nhật dữ liệu dân cư đảm bảo "đúng, đủ, sạch, sống" đối với 3.475.083 dữ liệu dân số thường trú (1.739.364 nam, 1.735.719 nữ); 525.533 dữ liệu dân số tạm trú (286.146 nam, 239.387 nữ) trên địa bàn.

- Việc chỉnh lý, số hóa các tài liệu lưu trữ của các địa phương, sở, ban, ngành trước và sau sáp nhập: Đến nay, Trung tâm lưu trữ lịch sử Bắc Ninh đã thu thập, bảo quản khoảng 28.764 mét tài liệu từ ngày 30/6/2025 trở về trước của các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh Bắc Ninh cũ, Bắc Giang qua các thời kỳ (*trong đó tài liệu đã chỉnh lý hoàn chỉnh 9.205 mét; tài liệu chưa chỉnh lý 19.559 mét*). Lưu trữ lịch sử và Lưu trữ các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện (cũ) đã số hóa được xong 15.168 hồ sơ, tài liệu với khoảng 3.500.000 trang A4.

- Về số hoá 100% các quy trình nghiệp vụ nền tảng của các cơ quan, đơn vị để đưa lên môi trường số: Các quy trình nghiệp vụ nền tảng của các cơ quan, đơn vị đang được triển khai chính trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC các bộ, ngành Trung ương triển khai tại tỉnh bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu.

- Về triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển dữ liệu tỉnh Bắc Ninh năm 2026:

+ Tổng số nhiệm vụ: 17

+ Số nhiệm vụ thường xuyên: 4

+ Số nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành: 13

+ Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 01³⁵

+ Số nhiệm vụ đang thực hiện: 16

³⁵ Hoàn thành dự thảo biên bản Ký kết ghi nhớ về triển khai mô hình mẫu trong xây dựng CSDL tại địa phương; đúng hạn Quý I/2026

+ Số nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành: 0

+ Số nhiệm vụ chưa đến hạn nhưng có khó khăn: 01 nhiệm vụ (02 đề án CSDL chuyên ngành và đề án Phát triển dữ liệu phục vụ kinh tế số, xã hội số tỉnh Bắc Ninh điều chỉnh thời hạn từ quý I/2026 sang quý II/2026).

c) Về phát triển kinh tế số, xã hội số

* Phát triển kinh tế số

UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo phát triển ngành công nghiệp bán dẫn tỉnh Bắc Ninh³⁶, ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động³⁷; Quyết định thành lập Tổ giúp việc³⁸; Thông báo phân công nhiệm vụ các thành viên³⁹; Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo⁴⁰. Tham mưu HĐND tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết của quy định chính sách cho phát triển công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh⁴¹.

Bên cạnh đó, để triển khai các hoạt động thúc đẩy thương mại điện tử, kinh tế số, UBND tỉnh ban hành một số văn bản: Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 về phê duyệt Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030; Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 17/01/2026 về việc thành lập Tổ công tác xây dựng Đề án thí điểm phát triển kinh tế không gian tầm thấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Kế hoạch số 01-KH-UBND-VIETTEL ngày 10/01/2026 của UBND tỉnh – Viettel về xây dựng Đề án thí điểm phát triển kinh tế không gian tầm thấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh...

Một số kết quả đạt được:

- Về Công nghiệp công nghệ số: Bắc Ninh tiếp tục là một trong những trung tâm sản xuất phần cứng, sản phẩm điện tử, máy tính, sản phẩm quang học chủ lực của cả nước; nhóm sản phẩm này đóng góp tỷ trọng lớn vào giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh trong Quý I/2026. Hiện trên địa bàn tỉnh có khoảng 1.035 doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực điện tử, công nghệ thông tin; trong quý I/2026 giá trị sản xuất công nghiệp thuộc lĩnh vực này ước đạt 488 tỷ đồng.

- Về thu hút các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực điện tử, công nghệ thông tin: Trong Quý I/2026, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 32 dự án đầu tư mới (28 FDI và 4 DDI) với tổng vốn đầu tư là 120,81 triệu USD và 634,932 tỷ đồng. Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 30 dự án đầu tư điều chỉnh tăng vốn, với tổng số vốn điều chỉnh tăng thêm là 122.32 triệu USD. Tổng vốn đầu tư cấp mới và cấp điều chỉnh tăng thêm là 250,78 triệu USD và 634,932 tỷ đồng⁴². Hiện nay, tỉnh hiện có 01

³⁶ Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 7/01/2026 của UBND tỉnh

³⁷ Quyết định số 345/QĐ-BCĐ ngày 6/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh

³⁸ Quyết định số 346/QĐ-BCĐ ngày 6/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh

³⁹ Thông báo số 87/TB-UBND ngày 11/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh

⁴⁰ Chương trình số 1517/CTr-BCĐ ngày 23/02/2026 của BCĐ

⁴¹ Hiện Sở KH&CN đã xây dựng dự thảo và đang tổ chức xin ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, dự kiến hoàn thiện và trình các cấp có thẩm quyền trong tháng 6/2026.

⁴² **Cụ thể, tại các Khu công nghiệp:** đã cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 28 dự án mới (25 FDI và 3 DDI) với tổng vốn đầu tư là 120,81 triệu USD và 490 tỷ đồng. Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư 26 dự án đầu tư điều chỉnh tăng vốn, với tổng số vốn điều chỉnh tăng thêm là 119,72 triệu USD. Tổng số vốn đầu tư cấp mới và cấp điều chỉnh tăng thêm là 240,53 triệu USD và 490 tỷ đồng. **Tại các Cụm công nghiệp:** đã cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 04 dự án mới (03 FDI và 01 DDI) với tổng vốn đầu tư là 7,65 triệu USD và 144,932 tỷ đồng. Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư 04

Khu công nghệ số tập trung⁴³ với diện tích 213,25 ha, đã được giao Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh quản lý từ ngày 01/01/2026, hiện đang triển khai các bước tiếp theo nhằm thu hút các dự án đầu tư và các nhà đầu tư thứ cấp vào hoạt động.

*** Phát triển xã hội số**

100% các xã, phường, thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh đã thành lập Tổ Công nghệ số cộng đồng với tổng số 2.957 Tổ, 100.195 thành viên, bình quân mỗi xã/phường có khoảng 30 tổ và 1000 thành viên. UBND tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ hoạt động cho Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 – 2030.

Các địa phương đồng loạt triển khai hoạt động thúc đẩy xã hội số với sự tham gia ra quân của Tổ Công nghệ số cộng đồng với phong trào “Bình dân học vụ số”, phổ cập kỹ năng số, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số, với nhiều mô hình điểm và cách làm hay: *Mô hình "Tổ Thanh niên tình nguyện hỗ trợ số"*; *Mô hình "Làm việc ngoài giờ - Ngày thứ Bảy tình nguyện"*; *Mô hình "Đảng viên số đi trước"*; *Mô hình "Chợ 4.0 - Thanh toán không tiền mặt"*; *Mô hình mạng lưới "Đại sứ số"*, *Mô hình phong trào "Gia đình số"*; *Mô hình mạng lưới "Chợ số, nông thôn số"*; *Mô hình "Mỗi công dân một danh tính số"*... góp phần nâng cao năng lực số của người dân tạo nền tảng hình thành công dân số trong giai đoạn tiếp theo. Tiếp tục tổ chức triển khai phân thi ý tưởng, sản phẩm Cuộc thi Công dân số tỉnh Bắc Ninh năm 2025 với hơn 120 hồ sơ dự thi.

Tỉnh Đoàn Bắc Ninh triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ phổ cập kỹ năng số, lồng ghép nội dung chuyển đổi số vào các chương trình công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi, góp phần lan tỏa tinh thần chuyển đổi số; tổ chức đồng loạt các lớp tập huấn “Bình dân học vụ số” trên toàn tỉnh vào ngày 28/2; đồng thời hướng dẫn người dân cài đặt và sử dụng chữ ký số công cộng tại các chương trình, hoạt động tập trung đông người do Tỉnh Đoàn, Hội Liên hiệp Thanh niên tỉnh. Kết quả, tính đến thời điểm hiện tại (luỹ kế cả năm 2025) đã cài đặt được gần 384.216 nghìn chữ ký số công cộng, góp phần thúc đẩy người dân tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Đẩy mạnh triển khai các đội hình thanh niên tình nguyện hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, đồng thời hỗ trợ các hộ sản xuất, kinh doanh, hợp tác xã đưa sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP lên các sàn thương mại điện tử để mở rộng kênh tiêu thụ sản phẩm; triển khai một số công trình thanh niên về chuyển đổi số tại cơ sở, tiêu biểu như các công trình hỗ trợ chuyển đổi số và hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến tại các xã Tây Yên Tử, Nhân Thắng, Đại Lai, Gia Bình, Đông Cứu, Cao Đức, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng các nền tảng số của người dân tại địa phương.

- Về Thanh toán không dùng tiền mặt

dự án đầu tư điều chỉnh tăng vốn, với tổng số vốn điều chỉnh tăng là 2,6 triệu USD. Tổng vốn đầu tư cấp mới và cấp điều chỉnh tăng thêm là 10,25 triệu USD và 144,932 tỷ đồng.

⁴³ Ngày 12/11/2025 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 418/QĐ-UBND về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư đối với Công ty xuyên cầu Holdings thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu Công nghệ thông tin tập trung, địa điểm thực hiện dự án tại xã Liên Bảo, phường Hạp Lĩnh, phường Võ Cường

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt, NHNN Khu vực 12 chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn: (1) Tiếp tục đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng và thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế; Tăng cường triển khai việc cấp tài khoản, ví điện tử trên nền Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, có cơ chế ưu đãi lâu dài (miễn, giảm các loại phí dịch vụ) cho người hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH; (2) Có kế hoạch nâng cấp hạ tầng dịch vụ, số lượng, chất lượng hệ thống ATM, địa điểm đặt các cây ATM thuận tiện cho người dân... để tăng cường các điều kiện đẩy nhanh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt theo chủ trương của Chính phủ; (3) Chủ động phối hợp với UBND cấp xã và các đơn vị liên quan tuyên truyền, vận động, hỗ trợ người nhận lương hưu, trợ cấp BHXH qua tài khoản cá nhân. Đảm bảo việc thực hiện chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH trên nền Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đạt hiệu quả.

Các Chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh luôn chủ động, tích cực tuyên truyền, khuyến khích, hỗ trợ khách hàng mở tài khoản thanh toán ngân hàng và cung cấp dịch vụ tài khoản với nhiều tiện ích, liên kết với các hệ thống thanh toán, các ví điện tử. Tính đến hết tháng 02/2026, số lượng mở tài khoản ngân hàng đang hoạt động tại các chi nhánh ngân hàng trên địa bàn tỉnh có khoảng hơn 3,7 triệu tài khoản đã phát hành thẻ thanh toán các loại, lắp đặt 610 máy ATM, hơn 8.200 thiết bị chấp nhận thẻ POS (bao gồm địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Hưng Yên). Doanh số thanh toán qua ngân hàng trong tháng 02/2026 ước đạt hơn 850 nghìn tỷ đồng; trong đó, thanh toán không dùng tiền mặt chiếm 80% trên tổng doanh số thanh toán.

- Các phong trào xã hội thúc đẩy chuyển đổi số

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai nhiều phong trào thi đua gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đã được UBND tỉnh ban hành năm 2025⁴⁴, tạo không khí sôi nổi và lan tỏa mạnh mẽ tinh thần đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong toàn xã hội. Trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị đã kịp thời cụ thể hóa bằng nhiều hoạt động thiết thực, đa dạng, phù hợp với từng lĩnh vực quản lý; vừa bám sát nhiệm vụ chính trị được giao, vừa khơi dậy tinh thần thi đua trong cán bộ và nhân dân, góp phần hình thành văn hóa số, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh và thể hiện quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW. Đầu năm 2026, Chủ tịch UBND tỉnh đã tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho 14 tập thể và 18 cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh” năm 2025 (Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 11/01/2026). Tiếp tục tổ chức triển khai phần thi ý tưởng, sản phẩm Cuộc thi Công dân số tỉnh Bắc Ninh năm 2025 với hơn 120 hồ sơ dự thi. Tham gia phát động Phong

⁴⁴(1) Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 28/9/2025 tổ chức Cuộc thi “Công dân số” tỉnh Bắc Ninh năm 2025 nhằm khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức và người dân tích cực ứng dụng công nghệ số trong công việc và đời sống; (2) Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 30/9/2025 phát động phong trào thi đua Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đến năm 2026; (3) Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 28/11/2025 phát động phong trào thi đua “Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”. Phát động Cuộc thi Công dân số tỉnh Bắc Ninh năm 2025.

trào thi đua “Đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh” và Phong trào thi đua “Phát triển doanh nghiệp tư nhân, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước”.

1.12. Về tài chính, kinh phí cho KHCCN, ĐMST và CDS

a) Kinh phí phân bổ năm 2026

- Tại Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2026 (trong đó dự toán giao chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển cho lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với tổng kinh phí 866 tỷ đồng/ 46.316 tỷ đồng, đạt 1,87% bao gồm: Dự toán chi thường xuyên 716 tỷ đồng (trong đó các đơn vị cấp tỉnh: 512 tỷ đồng, đơn vị cấp xã: 204 tỷ đồng); Dự toán chi đầu tư phát triển: 150 tỷ đồng.

- Về tiến độ giải ngân: Qua theo dõi trên hệ thống Tabmis của Tài chính - Kho bạc. Tính đến thời điểm báo cáo (ngày 24/3/2026), các Sở, ngành và các địa phương trên toàn tỉnh đã phân bổ dự toán thực hiện cho nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026, với tổng kinh phí: 421 tỷ đồng/866 tỷ đồng, đạt 48,6% so với dự toán giao; Số kinh phí đã giải ngân của các đơn vị, địa phương cho từng nhiệm vụ cụ thể với tổng kinh phí 53 tỷ đồng/866 tỷ đồng, đạt 6,12% so với dự toán được giao. Trong đó, chi thường xuyên: 8,3 tỷ đồng; chi đầu tư phát triển: 0,56 tỷ đồng; chi nghiên cứu khoa học: 44,3 tỷ đồng.

(Chi tiết có phụ lục 3 kèm theo)

b) Đăng ký vốn Trung ương (Theo Công văn số 843/SKHCCN-KHTC ngày 08/3/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ)

- Chi thường xuyên: 293 tỷ đồng (Gồm 15 nhiệm vụ/dự án, trong đó có 11 nhiệm vụ nằm trong Kế hoạch 194/KH-UBND ngày 31/12/2025 và 04 nhiệm vụ theo đề xuất của Công an tỉnh tại Công văn số 840/CAT-TM ngày 10/02/2026)

- Chi đầu tư (đăng ký vốn trung hạn 2026-2030 tại Công văn số 867/STC-QHTH ngày 05/02/2026) gồm 5 dự án, nhu cầu vốn 1.198 tỷ đồng.

- Dự án “Xây dựng, hình thành 99 xã, phường thông minh - thân thiện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh” với nhu cầu vốn là 258 tỷ đồng.

- Dự án Xây dựng và mở rộng Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) tỉnh Bắc Ninh” với nhu cầu vốn là 144 tỷ đồng.

- Dự án “Đầu tư hạ tầng Công nghệ thông tin, Chuyển đổi số phục vụ công tác Quốc phòng địa phương & Phòng thủ dân sự tại Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Bắc Ninh” với nhu cầu vốn là 132 tỷ đồng.

- Đề án “Phát triển giáo dục STEM/STEAM trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2035” với nhu cầu vốn là: 500 tỷ đồng.

- Dự án: Cải tạo, nâng cấp hạ tầng phục vụ thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Ninh với nhu cầu vốn là 164 tỷ đồng.

2. Về an ninh, an toàn thông tin

- Quán triệt đến các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm túc quy trình làm việc, chấp hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước, đảm bảo an ninh, an toàn và bảo mật của hệ thống tại đơn vị, địa phương. Tiếp tục duy trì hoạt động của Tổ kiểm tra an ninh an toàn bảo quản, sử dụng các trang thiết bị của Đề án số 06/CP, bảo đảm các quy định về an ninh, an toàn hệ thống của Bộ Công an.

- Trong Quý I/2026, Công an tỉnh phối hợp theo dõi 56.800 cảnh báo mức độ cao và điều phối, phối hợp xác minh, xử lý 60 hoạt động bất thường của hệ thống; đã thực hiện 156 yêu cầu kiểm tra phòng ngừa nguy cơ gây mất an ninh, an toàn thông tin; 05 yêu cầu chế áp thông tin vô tuyến điện; thực hiện kiểm tra 634 thiết bị điện tử (271 máy tính, 80 máy in, 283 thiết bị khác); triển khai các giải pháp phòng ngừa các hoạt động tấn công mạng, các hoạt động phá hoại, sự cố mất an toàn nhằm vào hệ thống công nghệ thông tin của Công an tỉnh: Công văn số 309/PV01-CNTT ngày 04/3/2026 về thông báo kết quả giám sát mạng máy tính Bộ Công an tháng 02/2026; Trong kỳ báo cáo, Công an tỉnh không nhận được thông báo cảnh báo lỗ hổng, điểm yếu của các sở, ngành.

Tổ chức diễn tập thực chiến đảm bảo an toàn thông tin mạng tỉnh Bắc Ninh và 07⁴⁵ Hội nghị tuyên truyền liên quan đến công tác an ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao. Khảo sát hiện trạng và nhu cầu triển khai Hệ thống phòng vệ mạng quốc gia (UBND tỉnh).

Tổ chức diễn tập phương án bảo đảm an ninh thông tin các hệ thống công nghệ thông tin: Công văn số 1298/CAT-ANM ngày 10/3/2026 về việc diễn tập bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin tại cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2026; Kế hoạch 1161/KH-CAT-PV01 ngày 04/3/2026 diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin trong Công an tỉnh Bắc Ninh năm 2026.

3. Về cải cách hành chính

3.1. Về cải cách thể chế: Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải cách thể chế; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng hiệu quả công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật. Công tác xây dựng, ban hành VBQPPL được thực hiện đúng quy trình, thủ tục theo Luật Ban hành văn bản QPPL và các Nghị định hướng dẫn. Trong Quý I/2026, cấp tỉnh ban hành 17 VBQPPL đảm bảo đúng quy trình của pháp luật. Công tác kiểm tra văn bản được thực hiện thường xuyên và theo các kế hoạch, chuyên đề cụ thể, đảm bảo hệ thống pháp luật của tỉnh luôn đồng bộ, thống nhất và khả thi, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

3.2. Về cải cách TTHC

Trong Quý I/2026, các sở, ngành đã rà soát, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 81 Quyết định công bố danh mục TTHC với 1.013 TTHC được công bố (trong đó 126 TTHC ban hành mới, 719 TTHC được sửa đổi, bổ sung, 168 TTHC bị bãi bỏ hoặc thay thế). Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC và thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng

⁴⁵ Tuyên truyền tại trường Tiểu học Đông Thành, trường THCS Trần Nguyên Hãn, trường THCS Ngô Sỹ Liên, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh, phường Bắc Giang, THPT Lục Nam, tiểu học Đồi Ngô, THPT Hàn Thuyên.

Dịch vụ công quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2026.

Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, địa phương: triển khai TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính (đối với 100% TTHC trên địa bàn tỉnh, trừ lĩnh vực thanh tra); triển khai thực hiện cơ chế “Luồng xanh 24 giờ” và “Luồng xanh 60%” trong thực hiện TTHC đối với các dự án trọng điểm theo chỉ đạo của UBND tỉnh; triển khai Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, phát triển dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu giai đoạn 2025-2026; triển khai Kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2025-2026, hướng tới năm 2026 đạt mục tiêu cắt giảm 50% thời gian và chi phí, đồng thời 100% TTHC liên quan đến doanh nghiệp thực hiện trực tuyến.

Các cơ quan, địa phương tiếp tục triển khai các sáng kiến, mô hình hay trong CCHC: “Trợ lý ảo” hướng dẫn người dân thực hiện TTHC; các mô hình giải quyết TTHC nhanh; đặt hẹn trực tuyến lịch hẹn tiếp nhận và trả kết quả; hỗ trợ giải quyết TTHC ngoài giờ hành chính; thực hiện TTHC tại nhà đối với các đối tượng yếu thế; hỗ trợ, hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến ngay tại Bộ phận Một cửa... qua đó góp phần nâng cao chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp đối với người dân, doanh nghiệp.

3.3. Về cải cách tổ chức bộ máy và chế độ công vụ

Thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và phù hợp tình hình thực tiễn, UBND tỉnh đã ban hành 09 Quyết định sắp xếp, tổ chức lại các sở, ngành; qua đó giảm 22 đơn vị sự nghiệp công lập. Đồng thời, hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định việc thành lập, tổ chức lại các trường cao đẳng trên địa bàn.

Tỉnh đã thành lập 99 Trạm Y tế trực thuộc UBND cấp xã trên cơ sở tổ chức lại 313 Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế khu vực liên xã, phường, đồng thời tiếp nhận nguyên trạng chức năng, nhiệm vụ, nhân lực y tế dự phòng, dân số. Riêng Trung tâm Y tế Bắc Ninh số 2 được tổ chức lại thành Trạm Y tế Kinh Bắc trực thuộc UBND phường Kinh Bắc. Bên cạnh đó, hướng dẫn thành lập Ban Quản lý dự án xây dựng cấp xã; hiện có 14 xã, phường đã thành lập. Sở Nội vụ phối hợp với 04 Ban Quản lý dự án cấp tỉnh rà soát, đề xuất sắp xếp, dự kiến chuyển giao 18 Ban Quản lý dự án khu vực về UBND cấp xã. Về quản lý, sử dụng biên chế, tỉnh thực hiện hiệu quả, bảo đảm lộ trình tinh giản theo quy định; đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục và y tế. Sau hợp nhất, tổng biên chế được giao gồm: 8.617 công chức; 56.549 viên chức hưởng lương ngân sách; 2.600 lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

Công tác phân cấp, phân quyền được đẩy mạnh theo hướng rõ thẩm quyền, trách nhiệm và cơ chế kiểm soát. Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, định hướng; HĐND tăng cường giám sát; UBND các cấp chủ động tổ chức thực hiện, chịu trách nhiệm toàn diện. Cơ chế phối hợp thường xuyên được rà soát, điều chỉnh, hạn chế chồng chéo, nhất là trong đầu tư công, đất đai, quy hoạch, tài nguyên và cải cách hành chính, bảo đảm tinh thần “địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 99/2025/QĐ-UBND quy định về nâng bậc lương trước thời hạn. Đồng thời, tổ chức kiểm tra, sát hạch tiếp nhận viên chức

(đôi với giáo viên mầm non hợp đồng), kết quả 295 trường hợp trúng tuyển; thực hiện điều động viên chức về công tác tại các Trạm Y tế cấp xã theo phương án sắp xếp.

3.4. Về cải cách tài chính công

Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo Kế hoạch được Chính phủ giao:

- Thu ngân sách nhà nước: Thực hiện thu NSNN trên địa bàn tỉnh đến ngày 25/3/2026: 29.502,4 tỷ đồng, đạt 40,8% dự toán năm. Trong đó: Thu nội địa 26.376,2 tỷ đồng, đạt 44,6% dự toán tỉnh giao. Trừ thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế thì thu nội địa là 21.513,2 tỷ đồng, đạt 46,8% dự toán tỉnh giao. Thu thuế xuất nhập khẩu 3.126,1 tỷ đồng, đạt 23,6% dự toán năm.

- Chi ngân sách địa phương: Thực hiện chi NSDP đến ngày 25/3/2026: 9.756,1 tỷ đồng, đạt 17,1% dự toán. Trong đó: chi đầu tư phát triển 4.081,7 tỷ đồng, đạt 24,6% dự toán; chi thường xuyên 5.674,4 tỷ đồng, đạt 15,5% dự toán

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 của tỉnh Bắc Ninh là 16.583,3 tỷ đồng, gồm: Tổng nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương là 15.158,3 tỷ đồng; Nguồn vốn ngân sách trung ương trong nước là 1.425 tỷ đồng; Tính đến ngày 23/3/2026, toàn tỉnh Bắc Ninh giải ngân được 317,847 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 1,9% so với kế hoạch.

4. Về Đề án 06

Công tác triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh tiếp tục được thực hiện đồng bộ, đạt nhiều kết quả tích cực trên các lĩnh vực:

Về dữ liệu đất đai: Sở Nông nghiệp và Môi trường đã phối hợp trích xuất dữ liệu đất đai hiện có, chuyển danh sách chủ sử dụng đất và thông tin thửa đất cần làm sạch tới Cục C06 - Bộ Công an với tổng số 1.453.856 chủ sử dụng đất. Kết quả đã làm sạch, đối soát trùng khớp 1.371.643 thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đạt tỷ lệ 94,3%. Hiện đang tiếp tục rà soát, bổ sung, làm sạch dữ liệu thông qua giải quyết thủ tục hành chính về đất đai và phối hợp với Phòng PC06 - Công an tỉnh cập nhật vào hệ thống VBDLIS. Đến tháng 3/2026, đã thực hiện 160.821 lượt đồng bộ và hoàn thành đồng bộ 1.987.514 thửa đất lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Về lĩnh vực y tế: Triển khai bệnh án điện tử tại 56/54 bệnh viện, đạt 103,7% kế hoạch; đồng thời thực hiện liên thông dữ liệu khám, chữa bệnh với Bệnh viện Bạch Mai trên 968.000 dữ liệu, là một trong 4 địa phương đầu tiên hoàn thành thí điểm. 100% (415/415) cơ sở khám chữa bệnh đã triển khai sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip; thực hiện 18.418.070 lượt tra cứu thông tin thẻ BHYT bằng CCCD, trong đó 16.965.128 lượt thành công, đạt 92,11%. Việc tích hợp thẻ BHYT vào Sổ Sức khỏe điện tử tiếp tục được đẩy mạnh với 127.508 lượt hỗ trợ, chiếm 47,01% lượt khám chữa bệnh BHYT; số lượt sử dụng đạt 60.642 lượt. Hệ thống đã đồng bộ 7.962 giấy chuyển tuyến và 28.536 giấy hẹn khám lại, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý.

Về an sinh xã hội và bảo hiểm: Dữ liệu người tham gia BHXH được đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đạt 99,89%. Tỷ lệ chi trả lương hưu, trợ cấp

BHXH qua tài khoản đạt 96,41%. Tỉnh đã hoàn thành việc tặng quà cho 186.038 đối tượng người có công, bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội với tổng kinh phí 74.415 triệu đồng. Đồng thời, đã vận động tích hợp tài khoản an sinh xã hội trên ứng dụng VNeID cho 581.591 trường hợp.

Về định danh điện tử và quản lý dân cư: Công tác cấp Căn cước và tài khoản định danh điện tử tiếp tục được duy trì hiệu quả. Trong tháng 3/2026 đã thu nhận 21.807 hồ sơ cấp Căn cước và 12.058 hồ sơ cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh đã cấp 3.116.368 thẻ Căn cước/CCCD; kích hoạt 2.210.488 tài khoản định danh điện tử, đạt 100% số trường hợp đủ điều kiện; đồng thời thu nhận 26.129 hồ sơ cấp tài khoản định danh tổ chức. Công tác quản lý cư trú được thực hiện chặt chẽ, bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”.

Phục vụ công tác bầu cử: Đã hỗ trợ trên 60.000 trường hợp thực hiện chuyên nơi bỏ phiếu qua ứng dụng VNeID, góp phần tạo thuận lợi cho người dân, giảm thủ tục hành chính. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ trong công tác vận động cử tri, góp phần nâng tỷ lệ quản lý cử tri đạt 99,16% (2.321.245/2.340.935 trường hợp).

Kết quả trên cho thấy hiệu quả rõ nét của việc ứng dụng chuyên đổi số trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt trong công tác bầu cử; Ban Chỉ đạo ghi nhận, biểu dương Công an tỉnh đã chủ động, linh hoạt, sáng tạo, vận dụng hiệu quả các giải pháp chuyên đổi số trong công tác bầu cử góp phần quan trọng hoàn thành nhiệm vụ chính trị của địa phương.

V. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, ĐIỂM NGHẼN

1. Khó khăn về cơ chế, chính sách

(1) Nhiệm vụ “Triển khai chính sách hỗ trợ cho cán bộ chuyên trách về chuyên đổi số theo hướng dẫn tại Thông tư số 23/2025/TT-BKHCN ngày 20/10/2025 về Hướng dẫn xác định vị trí việc làm chuyên trách về chuyên đổi số được hưởng mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 179/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ” chưa hoàn thành do tỉnh chưa thể ban hành Đề án vị trí việc làm để áp dụng chính sách hỗ trợ cán bộ chuyên trách chuyên đổi số (theo Nghị định 179/2025/NĐ-CP và Thông tư 23/2025/TT-BKHCN của Bộ KH&CN) do Trung ương chưa giao biên chế về tỉnh;

(2) Việc ban hành danh mục nhu cầu công nghệ và kết nối cung cầu công nghệ địa phương: Các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng hoặc FDI, thường hạn chế chia sẻ về hiện trạng dây chuyền sản xuất hay những điểm yếu về công nghệ vì sợ lộ bí mật kinh doanh. Hiện để ban hành danh mục cần phải triển khai các bước điều tra, khảo sát. Tuy nhiên việc điều tra khảo sát để đảm bảo hiệu quả cần thời gian cũng như các điều tra viên có đủ trình độ chuyên môn trong mọi lĩnh vực chuyên ngành (điện tử bán dẫn, vật liệu mới, nông nghiệp công nghệ cao...). Ngoài ra vòng đời công nghệ hiện nay rất ngắn. Một quy trình khảo sát, tổng hợp, tổ chức hội đồng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt ban hành có thể mất từ 6 tháng đến 1 năm. Khi danh mục chính thức được ban hành, nhu cầu công nghệ có thể đã thay đổi hoặc trở nên lạc hậu.

2. Khó khăn về Hệ thống phần mềm nghiệp vụ do Trung ương triển khai

tại địa phương phát sinh lỗi, thiếu đồng bộ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ công việc:

(1) **Hệ thống giải quyết TTHC tập trung của các Bộ:** Còn nhiều lỗi kỹ thuật, thiếu tính năng số hóa và cấp kết quả điện tử; nhưng thẩm quyền xử lý thuộc về Bộ khiến địa phương bị động, ảnh hưởng đến chỉ tiêu hoàn thành của tỉnh; Việc triển khai hệ thống mới của Bộ Xây dựng và Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn có cấu hình chưa phù hợp với quy trình xử lý nội bộ của Sở; việc tích hợp, đồng bộ dữ liệu sang Cổng DVC Quốc gia hoặc với hệ thống chuyên ngành (như VBDLIS về đất đai) bị lỗi, không liên thông được với UBND tỉnh, dẫn đến tình trạng hồ sơ bị quá hạn hoặc phải làm song song nhiều hệ thống;

(2) **Phần mềm chuyên ngành của Bộ, ngành:** Hệ thống cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) của Bộ Công Thương tồn tại song song hệ thống cũ và mới; hệ thống cũ hay phát sinh lỗi kỹ thuật (tự động đánh dấu "cấp sau"), gây rủi ro cho hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp;

3. Vướng mắc về nguồn nhân lực cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số và kỹ năng số của người dân

- Cán bộ cấp xã, phường còn lúng túng khi thao tác trên các hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các Bộ, ngành Trung ương triển khai tại tỉnh. Nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến ở vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp do thiếu thiết bị thông minh, chưa có tài khoản ngân hàng và tâm lý ngại thay đổi.

- Các hoạt động chuyển đổi số trong môi trường quân sự bị hạn chế kết nối mạng ra bên ngoài, gây khó khăn lớn trong việc phối hợp với các Sở, ban, ngành của tỉnh.

VI. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÝ II/2026

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Tiếp tục chỉ đạo quán triệt, triển khai nghiêm túc Nghị quyết số 57-NQ/TW trong toàn hệ thống chính trị; duy trì chế độ họp, giao ban, kiểm tra của Ban Chỉ đạo các cấp. Tăng cường vai trò người đứng đầu, bảo đảm phân công rõ trách nhiệm và theo dõi kết quả theo sản phẩm. Đẩy mạnh cơ chế phối hợp liên ngành và hỗ trợ chính quyền 2 cấp trong vận hành chính quyền số. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, cập nhật dữ liệu trên Hệ thống theodoinq.dcs.vn. Đẩy mạnh truyền thông, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm chỉ đạo thông suốt từ tỉnh đến cơ sở.

2. Về hoàn thiện thể chế, chính sách

Tập trung tham mưu trình HĐND và UBND tỉnh ban hành các văn bản chính sách về phát triển KHCCN, ĐMS & CDS trong quý II, gồm: (1) Nghị quyết Quy định về định mức lập dự toán thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; (2) Nghị quyết Quy định chính sách phát triển công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; (3) Nghị quyết ban hành chính sách thu hút, ưu đãi, hỗ trợ đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030; (4) Nghị quyết hỗ trợ chính sách cho Tổ Công nghệ số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030; (5) Quyết định Ban hành Quy định quản lý chương trình, nhiệm

vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; (6) Quyết định Ban hành Quy chế phối hợp trong hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; (7) Quyết định Ban hành Quy chế phối hợp trong hoạt động quản lý nhà nước về Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; (8) Quyết định Ban hành danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Ninh; (9) Nghị quyết của HĐND tỉnh về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

3. Nhiệm vụ cụ thể theo các lĩnh vực

3.1. Về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

3.1.1. Các sở, ngành, xã, phường

- Tổ chức thực hiện các chỉ tiêu được giao năm 2026 tại Kế hoạch số 39/KH-UBND (58 chỉ tiêu) và các chỉ tiêu được giao tại Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 của Ban Chỉ đạo Chính phủ. *Chi tiết tại phụ lục 4 kèm theo.*

- Tiếp tục thực hiện 202 nhiệm vụ thường xuyên được giao trên Hệ thống theo dõi giám sát Nghị quyết 57 (gồm Chương trình số 21-CTr/BCĐ ngày 26/12/2025 của Ban Chỉ đạo tỉnh ủy, Chương trình số 6548/UBND-KGVX ngày 31/12/2025 của Ban Chỉ đạo UBND tỉnh, Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 08/02/2025 của UBND tỉnh: 118 nhiệm vụ thường xuyên; Nhiệm vụ tại các chương trình, kế hoạch, thông báo kết luận, văn bản chỉ đạo của Trung ương: 80 nhiệm vụ; Nhiệm vụ tại Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ: 4 nhiệm vụ.). (Chi tiết tại phụ lục 5 kèm theo)

- Chủ động rà soát bố trí kinh phí để nâng cấp, thay thế hoặc bổ sung trang thiết bị CNTT đã xuống cấp. Thời hạn hoàn thành 30/6/2026

- Chủ động rà soát khắc phục triệt để tình trạng còn lỗi của các hệ thống thông tin. Thời hạn hoàn thành 30/6/2026

3.1.2. UBND các xã, phường

- Bố trí cán bộ chuyên trách CNTT tại xã, phường phù hợp. Thời hạn hoàn thành 30/6/2026

- Tổ chức tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, người dân và phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng. Thời hạn hoàn thành 30/6/2026

- Bố trí trụ sở, trang thiết bị đầu cuối, hạ tầng mạng, phân công lãnh đạo, nhân lực; bố trí đủ nhân sự cho việc giải quyết TTHC ở cấp xã. Thời hạn hoàn thành 30/6/2026

3.1.3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh. Chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, nhiệm vụ nhằm cụ thể hóa việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; xử lý, tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu,

chỉ tiêu đề ra. Rà soát, nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách, quy định của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh và theo đúng quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết số 57-NQ/TW, các quy định của pháp luật. Thời hạn hoàn thành 30/4/2026.

- Xây dựng Đề án Chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025-2030. Thời hạn hoàn thành 30/6/2026.

- Xây dựng bộ công cụ đánh giá mức độ chuyển đổi số cho các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Thời hạn hoàn thành 30/6/2026.

- Rà soát nâng cấp đường truyền mạng, bảo đảm ổn định, các cơ quan, đơn vị, địa phương đặc biệt tại các địa bàn vùng sâu trên địa bàn tỉnh. Thời hạn hoàn thành 30/6/2026.

- Phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ cấp đầy đủ chứng thư số cho lãnh đạo và cán bộ chuyên môn các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Thời hạn hoàn thành 30/6/2026.

- Rà soát khắc phục triệt để tình trạng còn lỗi của các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung Thời hạn hoàn thành 30/6/2026.

- Rà soát, xây dựng hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật cho chuyển đổi số và phát triển KHCN, ĐMST, phục vụ phát triển kinh tế xã hội. Thời hạn hoàn thành 30/6/2026.

- Tổ chức tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, người dân và phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng. Thời hạn hoàn thành 30/6/2026.

- Ban hành bộ trường thông tin dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu, trong đó đảm bảo cập nhật, đồng bộ lên Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung. Thời hạn hoàn thành 30/6/2026.

- Chủ động rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung những cơ chế, chính sách chưa được giải quyết ở những văn bản đã ban hành để tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách cho KHCN, ĐMST, CDS. Thời hạn hoàn thành 30/6/2026.

- Chủ động rà soát bố trí kinh phí để nâng cấp, thay thế hoặc bổ sung trang thiết bị CNTT đã xuống cấp (hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện của các đơn vị, đảm bảo việc nâng cấp, bổ sung, thay thế xong trước 30/6/2026).

3.1.4. Công an tỉnh

- Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội. Thời hạn hoàn thành 30/6/2026.

- Xây dựng, hình thành Trung tâm giám sát an ninh mạng tập trung, đảm bảo hoạt động giám sát và sẵn sàng ứng phó với các nguy cơ tấn công mạng. Thời hạn hoàn thành 31/05/2026

- Rà soát, đánh giá tổng thể về an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu đối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành, hệ thống thông tin và nguồn

nhân lực. Thời hạn hoàn thành 30/6/2026.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị huy động mọi nguồn lực để khắc phục ngay những lỗ hổng bảo mật trong các hệ thống thông tin. Thời hạn hoàn thành 30/04/2026.

- Tổ chức thẩm định, phê duyệt cấp độ đối với toàn bộ các hệ thống thông tin trọng yếu do mình trực tiếp quản lý, vận hành. Thời hạn hoàn thành 30/04/2026.

- Thực hiện thiết lập kênh kết nối trao đổi thông tin, dữ liệu phục vụ giám sát, điều phối ứng cứu, khắc phục sự cố an toàn thông tin, an ninh mạng theo hướng dẫn của lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng Bộ Công an theo quy định (trừ các hệ thống thông tin trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng và cơ yếu). Thời hạn hoàn thành 30/04/2026.

- Triển khai tổng thể các giải pháp giám sát, bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu cho các hệ thống thông tin trong phạm vi quản lý. Thời hạn hoàn thành 30/04/2026.

- Triển khai mô hình bảo đảm an toàn thông tin 4 lớp. Thời hạn hoàn thành 30/04/2026.

- Xây dựng phương án bố trí kinh phí triển khai xây dựng và duy trì nền tảng “Bình dân học vụ số”, kinh phí triển khai hỗ trợ tổ công nghệ số cộng đồng, mạng lưới đại sứ số, mô hình chợ số - nông thôn số, kinh phí tuyên truyền nâng cao kỹ năng số và kinh phí khắc phục vụ triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” và tuyên truyền phục vụ triển khai Đề án 06. Thời hạn hoàn thành 30/6/2026.

3.1.5. Sở Nội vụ

- Bố trí cán bộ chuyên trách CNTT tại xã, phường phù hợp. (theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền Sở Nội vụ). Thời hạn hoàn thành 30/6/2026.

- Tổ chức tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, người dân và phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng. (theo chức năng, nhiệm vụ Sở Nội vụ). Thời hạn hoàn thành 30/6/2026

- Tiếp tục triển khai chính sách hỗ trợ cho cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số theo hướng dẫn tại Thông tư số 23/2025/TT-BKHCN ngày 20/10/2025 về Hướng dẫn xác định vị trí việc làm chuyên trách về chuyển đổi số được hưởng mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 179/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. Thời hạn hoàn thành, sau khi Bộ Nội vụ giao chỉ tiêu biên chế về tỉnh.

- Chỉ đạo hoàn thành số hoá 100% tài liệu lưu trữ trong 3 năm gần đây (TBKL 107/TB-UBND). Văn bản đôn đốc, hướng dẫn chỉ đạo thực hiện trong quý II, việc hoàn thành số hóa 100% tài liệu thực hiện đến 31/12/2026.

3.1.6. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Triển khai các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Thời hạn hoàn thành 30/6/2026.

3.1.7. Sở Tài Chính

- Chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên đề, đánh giá hiệu quả việc cấp kinh phí đầu tư trang thiết bị cho các cơ quan, đơn vị; bảo đảm việc sử dụng đúng mục đích, đúng chỉ đạo và phát huy hiệu quả thực tế. Thời hạn hoàn thành 30/6/2026.

- Đẩy nhanh tiến độ việc triển khai thu hút đầu tư khu đào tạo nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ I, II (khu đô thị đại học I, II); không gian đổi mới sáng tạo theo quy hoạch đã được phê duyệt. Thời hạn hoàn thành 30/6/2026.

3.1.8. Ban Quản lý các Khu công nghiệp

- Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng triển khai dự án Khu công nghệ thông tin tập trung và Trung tâm tính toán hiệu năng cao. Thời hạn hoàn thành trước 24/12/2026

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện nhiệm vụ Quy hoạch Khu công nghiệp chế biến nông sản công nghệ cao, kết hợp với trung tâm nghiên cứu, sản xuất thiết bị, máy móc công nghệ cao phục vụ nông nghiệp, tạo điều kiện phát triển bền vững và hiện đại hóa ngành nông nghiệp (Sở Xây dựng phối hợp về quy hoạch xây dựng). Thời hạn hoàn thành trước 24/12/2026

3.1.9. Sở Xây dựng:

Xây dựng Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Bắc Ninh, bảo đảm phù hợp với định hướng quốc gia, quy định tại Nghị định số 269/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. Thời hạn hoàn thành trước 24/12/2026.

3.1.10. Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ Hành chính công)

Chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ nghiên cứu triển khai hệ thống kết nối, liên thông camera giám sát tại bộ phận một cửa các cấp về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; phục vụ kiểm tra, giám sát hoạt động tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian thực. Tham khảo mô hình đã triển khai hiệu quả tại một số địa phương; rà soát hạ tầng, hiện trạng camera hiện có, đề xuất phương án kết nối trên nền tảng sẵn có, bảo đảm tiết kiệm chi phí. Báo cáo phương án trước ngày 30/6/2026.

(Chi tiết các nhiệm vụ trọng tâm có thời hạn quý II năm 2026, tại phụ lục 6 kèm theo)

3.2. Về Cải cách hành chính

3.2.1. Triển khai thực hiện hiệu quả các văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác CCHC nhà nước của tỉnh. Đẩy mạnh triển khai các mô hình, giải pháp mới trong công tác CCHC. Phấn đấu kết quả Chỉ số Cải cách hành chính tỉnh Bắc Ninh nằm trong nhóm 10 tỉnh dẫn đầu cả nước.

3.2.2. Nâng cao chất lượng công tác cải cách TTHC, thường xuyên rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết, đơn giản hoá TTHC, tạo thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp khi giải quyết TTHC; đẩy mạnh số hóa, thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình; tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị định số 118/2025/NĐ-

CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công dịch vụ công quốc gia và Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP. Tăng cường công tác kiểm tra, đặc biệt là kiểm tra đột xuất việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong thực thi nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức kiểm tra công tác CCHC theo Kế hoạch đề ra.

3.2.3. Tập trung cao độ sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW theo hướng “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả”. Phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho kỳ họp thứ nhất HĐND tỉnh. Kiểm tra, rà soát các mốc địa giới đối với các đơn vị cấp xã sau sáp nhập trên địa bàn tỉnh. Tham mưu xây dựng Đề án thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương và thành lập các phường thuộc thành phố Bắc Ninh.

3.2.4. Tiếp tục triển khai thực hiện công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện tốt công tác tham mưu quản lý, sử dụng biên chế; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, gắn trách nhiệm với quyền hạn. Triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bắc Ninh năm 2026. Trình HĐND tỉnh Nghị quyết về chính sách thu hút, ưu đãi, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030; Tiếp tục hướng dẫn các cơ quan, địa phương, đơn vị xây dựng Đề án vị trí việc làm.

3.2.5. Tiếp tục thực hiện tốt chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước. Kiểm soát chặt chẽ ngân sách nhà nước chi thường xuyên và đầu tư công. Quản lý, sử dụng có hiệu quả tài sản công, kinh phí từ ngân sách nhà nước; thực hiện tốt quy định về quy chế chi tiêu nội bộ, công khai tài chính và phòng chống tham nhũng, lãng phí. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách, chương trình giảm nghèo và an sinh xã hội cũng như các chính sách có liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt giám sát việc đầu tư ngân sách để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo tại các địa phương.

3.3. Về Đề án 06

3.3.1. Bám sát việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án 06 của Chính phủ, Bộ Công an để khẩn trương tham mưu ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện của UBND tỉnh, Công an tỉnh.

3.3.2. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục làm sạch, làm giàu, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, đảm bảo luôn “đúng, đủ, sạch, sống”.

3.3.3. Phối hợp với Cục C06 - Bộ Công an trong việc thu nhận mẫu ADN cho thân nhân liệt sĩ, phục vụ quy tập hài cốt

3.3.4. Tăng cường hướng dẫn công tác tích hợp tài khoản an sinh xã hội, số sức khỏe điện tử, ví điện tử,... trên ứng dụng VNeID; giúp người dân được thụ hưởng những tiện ích do ứng dụng VNeID đem lại.

3.3.5. Đẩy mạnh việc thu nhận tài khoản định danh điện tử mức độ 2, định danh tổ chức, định danh điện tử cho người nước ngoài, phục vụ giải quyết thủ tục hành chính qua cổng dịch vụ công; nâng cao chỉ số DTI.

3.3.6. Đôn đốc, đẩy mạnh việc triển khai thực hiện học tập trực tuyến “Bình dân học vụ số”

Trên đây là báo cáo tình hình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 quý I, nhiệm vụ trọng tâm quý II năm 2026 của Ban Chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Trưởng BCD tỉnh;
- Các Phó BCD tỉnh;
- Các thành viên BCD tỉnh;
- Lưu: VT, BCD

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**PHÓ CHỦ TỊCH TTUBND TỈNH
Mai Sơn**